TÀI LIỆU ÔN THI NGỮ VĂN 9 VÀO 10

PHẦN TIẾNG VIỆT

1. So sánh

Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời

Tác giả đã so sánh "mẹ" với "ngọn gió". Ngọn gió đem đến sự mát mẻ cho con trong giấc ngủ cũng như mẹ luôn dành cho con sự che chở, cảm giác bình yên, những điều đẹp đẽ nhất trong cuộc sống. Biện pháp so sánh cho thấy tình yêu thương dịu dàng, sự hi sinh cao cả của người mẹ và tình cảm biết ơn của người con dành cho mẹ của mình.

2. Ẩn dụ

Dưới trăng Quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Hình ảnh "lửa lựu" là ẩn dụ chỉ những bông hoa lựu nở đỏ, lấp ló trong lá xanh, lúc ẩn lúc hiện như những ngọn lửa lập lòe. Biện pháp ẩn dụ gợi ra hình ảnh hoa lựu có màu sắ,c có chuyển động "đơm bông", hội tụ sức sống nảy nở, sinh sôi của mùa hè. Tác giả thể hiện sự quan sát và cảm nhận tinh tế về thiên nhiên.

3. Hoán dụ

Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay
(Việt Bắc - Tố Hữu)

Hình ảnh "áo chàm" là hình ảnh hoán dụ chỉ đồng bào dân tộc vùng cao Việt Bắc, những người thường mặc trang phục màu chàm đặc trưng. Câu thơ gợi tình cảm gắn bó thân thương giữa người cán bộ kháng chiến và đồng bào nơi chiến khu trong phút chia tay đầy xúc động, lưu luyến.

4. Nhân hóa

Những chị lúa phất phơ bím tóc
Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học

Tác giả dùng từ gọi người "chị", "cậu" để gọi lúa và tre; dùng từ ngữ miêu tả người để miêu tả lúa "phất phơ bím tóc" tre "thì thầm đứng đọc". Biện pháp nhân hóa đã góp phần miêu tả bức tranh làng quê thật sống động, gần gũi, thân thương. Qua đó, tác giả thể hiện một cái nhìn hồn nhiên trẻ thơ và tình yêu thiên nhiên quê hương.

5. Điệp từ ,điệp ngữ

Trời xanh ***đây là của chúng ta***
Núi rừng ***đây là của chúng ta***

Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa

(Đất Nước - Nguyễn Đình Thi)

Phép điệp với các từ ngữ "đây là của chúng ta"; "Những" nhấn mạnh quyền sở hữu của người dân trong một đất nước tự do, khơi gợi cảm xúc tự hào về một đất nước tươi đẹp và niềm hy vọng vào tương lai rộng mở.

6. Nói giảm, nói tránh

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

(Lượm - Tố Hữu)

Tác giả sử dụng cách nói giảm nhẹ "Cháu nằm trên lúa" khi nói về hình ảnh Lượm hy sinh. Chú bé dũng cảm không chết mà chỉ trở về trong vòng tay yêu thương của đất mẹ, hóa thân vào quê hương, xứ sở.

7. Câu hỏi tu từ

Sáng ra thơm đến ngẩn ngơ
Dòng sông đã mặc bao giờ áo hoa?

Câu hỏi không dùng để hỏi mà để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, ngỡ ngàng của nhân vật trữ tình trước vẻ đẹp của dòng sông vào buổi sớm mai.

8. Đảo ngữ

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo

(Lên Tây Bắc - Tố Hữu)

Cụm từ " Rất đẹp" được đảo lên đầu câu thơ nhấn mạnh cảm xúc ngưỡng mộ, tự hào của tác giả trước hình ảnh người chiến sĩ giải phóng quân.

9. **Liệt kê**

Ở cái mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi đào ổ chuột; tháng tám nước lên, tôi đi đánh dậm, úp cá, đơm tét; tháng 9 tháng 10 đi móc con da dưới vệ sông.

(Đoàn Giỏi)

Câu văn liệt kê những hoạt động của nhân vật "tôi" theo thời gian trên mảnh đất quê hương. Tác dụng của phép liệt kê nhấn mạnh sự gắn bó của con người với làng quê thân thương.

KỸ NĂNG LÀM BÀI TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Cấu trúc bài đọc hiểu

Cấu trúc bài học hiểu gồm những liệu đọc hiểu và câu hỏi đọc hiểu.

Ngữ liệu đọc hiểu rất đa dạng, có thể là các đoạn thơ, đoạn văn trong sách giáo khoa, cũng có thể là những đoạn trích có đề tài, độ dài, độ khó tương đương ngoài sách giáo khoa. Văn bản có thể là văn bản văn học hoặc văn bản nhật dụng.

Câu hỏi đọc hiểu gồm 3 đến 4 câu xếp theo mức độ từ dễ đến khó theo các mức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Các loại câu hỏi thường gặp là:

- Nêu xuất xứ văn bản (tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời...)
- Xác định phương thức biểu đạt
- Xác định chủ đề, ý chính, nội dung chính của văn bản
- Nận biết và ghi nhớ thông tin, chi tiết, hình ảnh...
- Nhận diện cấu tạo hoặc ý nghĩa của từ (từ láy, từ ghép, thành ngữ, từ nhiều nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng nghĩa...) và từ loại (danh từ, động từ, tính từ...) trong văn bản và nêu tác dụng
- Nhận diện các thành phần câu, các kiểu câu và nêu tác dụng.
- Nhận diện và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ
- Nhận diện và nêu tác dụng của phép liên kết
- Nhận diện đặc điểm về thể loại (thể thơ, nhân vật trữ tình, từ ngữ, hình ảnh...; nhân vật, chi tiết, tình huống, lời kể, lời độc thoại hay đối thoại...) và nêu tác dụng.
- Rút ra được ý nghĩa hàm ẩn của văn bản từ các thông tin, chi tiết, hình ảnh trong văn bản
- Đánh giá được về nội dung, nghệ thuật của văn bản
- Dùng thông tin trong văn bản để giải quyết một vấn đề tương tự,...
- Bày tỏ ý kiến, quan điểm, thái độ của bản thân trước vấn đề gợi ra từ văn bản

2. Kỹ năng làm một số bài tập đọc hiểu văn bản

Đọc kỹ đề bài để xác định yêu cầu của đề (có thể gạch chân những động từ yêu cầu, các từ để hỏi để xác định đúng yêu cầu của đề); đọc kỹ dữ liệu và đọc ghi chú nguồn văn bản; trả lời câu hỏi chính xác, đầy đủ, trúng yêu cầu (về nội dung) và ngắn gọn, rõ ràng (về hình thức)

STT	**Dạng bài tập**	**Một số lưu ý**
1	Nêu xuất xứ tác phẩm: *Đoạn trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?*	- Trả lời đủ thông tin - Viết đúng quy tắc chính tả: Tên tác phẩm để trong ngoặc kép; viết hoa tên tác giả.
2	Xác định phương thức biểu đạt: *- Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản* *-Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản,...*	- Xác định phương thức biểu đạt dựa vào đặc điểm văn bản: mục đích giao tiếp, nội dung và hình thức của văn bản...

		- Đọc kỹ yêu cầu đề: nếu đề yêu cầu xác định "phương thức biểu đạt" hoặc "các phương thức biểu đạt" thì chỉ ra tất cả các phương thức biểu đạt; nếu đề yêu cầu xác định "phương thức biểu đạt chính" thì chỉ nêu một phương thức biểu đạt chính.
3	Tìm (nêu chủ đề hoặc nội dung chính của văn bản: *- Tìm câu chủ đề trong đoạn trích.* *- Nêu nội dung chính của đoạn thơ...*	- Xác định câu chủ đề dựa vào hình thức đoạn văn: Nếu là đoạn văn diễn dịch câu chủ đề ở đầu đoạn văn; nếu là đoạn văn quy nạp câu chủ đề ở cuối đoạn văn; nếu là đoạn tổng - phân - hợp câu chủ đề kép ở cả đầu đoạn và cuối đoạn. Học sinh cần viết lại nguyên văn câu chủ đề đó. - Xác định nội dung chính (thông điệp) của văn bản dựa vào nhan đề, câu chủ đề, các ý nhỏ hơn trong văn bản, các từ ngữ khóa ... Học sinh cần viết thành đoạn văn ngắn (từ 3 đến năm 5) để trả lời.
4	Nhận diện về cấu tạo hoặc ý nghĩa của từ, từ loại trong văn bản và nêu tác dụng: *- Tìm các từ láy trong đoạn thơ và nêu tác dụng* *- Cụm từ A có ý nghĩa như thế nào?* *- Xác định từ A thuộc từ loại nào và nêu tác dụng...*	- Để nhận diện đơn vị từ vựng hoặc từ loại cần dựa vào kiến thức Tiếng Việt đã học. - Để giải thích tác dụng của từ ngữ đó, cần hiểu ý nghĩa của từ ngữ đó trong văn bản; từ đó, đánh giá hiệu quả của từ ngữ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng, tình cảm của tác giả; tăng sức gợi cảm, gợi tả trong tác phẩm - Trả lời ngắn gọn, trúng nội dung câu hỏi.
5	Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ: *- Đoạn thơ, đoạn văn sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?* *- Tìm câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nêu tác dụng.*	- Cần gọi tên biện pháp tu từ được sử dụng - Chỉ ra biện pháp tu từ đó thể hiện qua những từ ngữ hình ảnh nào. - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng,tình cảm của tác giả; tăng sức gợi tả, biểu cảm cho ngôn từ nghệ thuật.
6	Chỉ ra phép liên kết, các thành phần câu, các kiểu câu	- Cần gọi tên phép liên kết, thành phần câu, kiểu câu được sử dụng.

	- Phép liên kết nào được sử dụng trong đoạn văn? *- Tìm phép thế trong đoạn trích.* *-Phân tích thành phần của câu sau và cho biết câu đó thuộc kiểu câu nào xét về cấu tạo.*	- Chỉ ra cụ thể biểu hiện của phép liên kết qua những từ ngữ trong văn bản hoặc chỉ rõ thành phần câu, phân tích rõ cấu trúc câu.
7	giải thích ý nghĩa nhan đề, chi tiế,t hình ảnh... trong văn bản: *- Em hiểu thế nào về...?* *- Hãy giải thích nhận định A trong đoạn trích* *- Chi tiết A cho em biết điều gì về nhân vậtX?*	- Cần rút ra được giá trị nội dung tư tưởn,g tình cảm khi lý giải ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh, chi tiết ... - Cần tiêm trình bày rõ luận điểm và các lý lẽ khi nêu ý kiến - Viết thành đoạn văn ngắn (3 đến 5 câu) để trả lời
7	Bày tỏ ý kiến quan điểm, thái độ của bản thân về vấn đề trong văn bản: *- Em đồng ý hay em không đồng ý với nhận định A? Vì sao?* *- Em có suy nghĩ gì về...?*	- Cần kết nối nhận định trong văn bản với trải nghiệm của cá nhân; với thực tiễn đời sống; với các văn bản khác tương đồng về đề tài; chủ đề... để đưa ra nhận xét, đánh giá. - Viết thành một đoạn văn ngắn (3 đến 5 câu) để trả lời.

Ví dụ:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Giờ cháu đã đi xa.Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?

(Bếp Lửa - Bằng Việt)

a) Đoạn thơ trên là lời của nhân vật nào? nói với ai?

b) Hình ảnh "ngọn khói trăm tàu", "lửa trăm nhà" có ý nghĩa gì?

c) Câu thơ cuối đoạn sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Đáp án

a) Đoạn thơ là lời của người cháu nói với bà

b) Hình ảnh "ngọn khói trăm tàu" là hình ảnh hoán dụ chỉ những chuyến đi xa. Hình ảnh "lửa trăm nhà" là hình ảnh hoán dụ chỉ những nơi đã đến có những con người với tình yêu thương, gắn bó vỡ như gia đình.

c) Câu cuối sử dụng câu hỏi tu từ câu hỏi tu từ có tác dụng nhấn mạnh niềm thương, nỗi nhớ khôn nguôi và tấm lòng biết ơn sâu nặng với bà. Nay người cháu đã khôn lớn, được hưởng cuộc sống với niềm vui rộng mở nhưng không quên những kỉ niệm về bếplLửa tuổi thơ, về tình yêu thương, sự chăm sóc mà bà dành cho người cháu.

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống

*a) Cấu trúc của một **đoạn văn** nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống*

- Yêu cầu nội dung: nêu rõ hiện tượng, phân tích các mặt đúng sai, lợi hại; chỉ ra các nguyên nhân và bày tỏ thái độ ,ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó

- Yêu cầu về hình thức: Lưu ý hình thức của đoạn văn (gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn) và dung lượng theo yêu cầu (khoảng 200chữ)

- Hình thức đoạn văn và yêu cầu dung lượng ngắn dẫn đến cách triển khai nội dung nên tinh gọn, súc tích, tiêu biểu

b) Các dạng nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống mang tính tích cực:

Ví dụ: Thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, vận động giúp đỡ đồng bào gặp thiên tai hoạn nạn, gương người tốt việc tốt...

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống mang tính tiêu cực

Ví dụ: hiện tượng quay cóp trong thi cử, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, tội phạm vị thành niên, tội ác ma túy, bạo hành gia đình, tiêu cực trong thi cử...

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống kết hợp hai mặt tích cực và tiêu cực,

Ví dụ: Hiện tượng ngưỡng mộ thần tượng và mê muội thần tượng, hoạt động tình nguyện với hai mặt tích cực, tiêu cực

c) Những vấn đề về đời sống xã hội cần quan tâm:

- Những đề tài liên quan đến đối tượng học sinh và phạm vi nhà trường

- Đề tài liên quan đến đời sống xã hội nói chung và phạm vi ngoài nhà trường

2. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

a) Cấu trúc của một đoạn văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

b) Các dạng bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí

- Dạng bài nghị luận về một tư tưởng đạo đức mang tính tích cực

Ví dụ: như lòng vị tha, lòng khoan dung, lối sống giản dị, lòng trắc ẩn, ý chí nghị lực, lòng yêu nước

- Dạng bài nghị luận về một tư tưởng đạo đức mang tính tiêu cực

Ví dụ như nghị luận về một thói đố kỵ, sự phản bội, thói vô cảm, nói dối trá, lối sống vị kỷ, thói lười biếng...

- Lưu ý đề thi thường yêu cầu bàn luận tư tưởng đạo lí thông qua một nhận định, một câu thơ, một đoạn văn, một câu tục ngữ, ca dao, một câu hát, một câu chuyện đạo đức...

c) Các chủ đề chính cần quan tâm:

- Học tập và đạo đức học đường như ý chí nghị lực, niềm tin của học sinh, tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, lối sống ích kỷ, thói gian lận.

- Lối sống: lối sống giản dị, lối sống lười biếng, lối sống ích kỷ, sống đẹp...

- Phẩm chất đạo đức: ý chí, nghị lực, niềm tin, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, thói vô cảm, sự hi sinh, lòng tốt...

Thực hành

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự chân thành trong cuộc sống

Gợi ý:

*Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự chân thành trong cuộc sống

* Thân bài:

- Giải thích: *Chân thành* là sự chân thực, thành thật xuất phát từ đáy lòng.

- Bàn luận: Khẳng định sự chân thành mang lại nhiều ý nghĩa cho cuộc sống :

+ Sự chân thành đem tới cuộc đời sống tinh thần nhẹ nhàng, thanh thản, chan chứa yêu thương, giúp ta tránh xa những lừa lọ,c bon chen.

+ Sự chân thành giúp chúng ta được mọi người yêu quý, tin tưởng, tạo dựng được uy tín cá nhân, có thêm nhiều mối quan hệ tốt đẹp

+ Sự chân thành giúp chúng ta dễ dàng vượt qua khó khăn, tìm kiếm được cơ hội vươn tới thành công.

+ Sự chân thành lan tỏa cách ứng xử, lối sống tốt đẹp đến những người xung quanh; góp phần tạo dựng cộng đồng văn minh, nhân ái

+ Nếu thiếu vắng sự chân thành cuộc sống trở nên nặng nề bởi những dối lừa, Nghi kỵ, tình người nhạt phai...

+ Phê phán kẻ thủ đoạn, gian dối, tư lợi cá nhân; ngợi ca người sống thẳng thắnm thật thà ...

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động: đối đãi với sự vật, sự việc, con người bằng sự chân thành

* Kết bài: Sự chân thành sẽ tạo ra một thế giới minh bạch, văn minh.

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1.Các dạng bài nghị luận văn học

- Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích trong truyện
- Nghị luận về đoạn thơ (bài thơ)
- nghị luận về ý kiến bàn về văn học

2. Yêu cầu đối với bài nghị luận văn học

- Về nội dung:

+ Hiểu đúng vấn đề nghị luận, xác định rõ yêu cầu đề bài

+ Sử dụng các kỹ năng thao tác như giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận để lý giải rõ vấn đề nghị luận

+ Nêu được suy nghĩ, quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận

- Về hình thức

+ Cần đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu thiệu vấn đề nghị luận; thân bài phân tích, lý giải; kết bài khái quát vấn đề

- Về hệ thống luận điểm: rõ ràng, mạch lạc; luận cứ chính xác, sinh động; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; dẫn chứng cụ thể, đa dạng.

- Văn viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt; diễn đạt trong sáng, vừa đảm bảo tính lôgic, thuyết phục vừa thể hiện cảm xúc của người viết một cách tự nhiên.

3. Cách làm một số kiểu bài nghị luận văn học

a) Nghị luận về tác phẩm truyện

* Nhận dạng kiểu bài

+ Phân tích giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, phân tích nhân vật, phân tích một số đặc điểm nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm (hoặc đoạn trích)

+ Phát biểu cảm nghĩ/ Nêu suy nghĩ về một chi tiết đặc sắc, một đặc điểm nội dung hoặc nghệ thuật nổi bật, về nhân vật, cũng như về tác phẩm (hoặc đoạn trích)

- Bình luận về nhân vật, tình huống truyện, chi tiết nghệ thuật, cách mở đầu - kết thúc truyện...

** Các bước triển khai*

- Bước 1: Phân tích đề bài: gạch chân dưới từ ngữ trọng tâm của đề bài để xác định chính xác yêu cầu

- Bước 2: xây dựng dàn ý với bố cục 3 phần

+ Mở bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận; nêu ý kiến đánh giá chung về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)/ vấn đề nghị luận.

+ Thân bài: Hệ thống luận điểm của bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể theo trình tự sau:

(1) Khái quát chung: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác; giải thích vấn đề nghị luận (giải thích từ khóa)

(2) Hình thành các luận điểm chính về vấn đề nghị luận và sắp xếp chúng theo trình tự hợp lý; phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu, xác thực.

(3) Bình luận, mở rộng, nâng cao vấn đề: đánh giá ý nghĩa, vai trò của vấn đề nghị luận, mức độ đóng góp của tác giả; liên hệ với tác giả, tác phẩm khác; khái quát về phong cách tác giả.

+ Kết luận: Tổng kế,t khẳng định lại vấn đề nghị luận; nêu bài học rút ra

- Bước 3: Viết bài văn hoàn chỉnh. Quá trình viết cần lưu ý:

+ Các nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện(hoặc đoạn trích) cần rõ ràng, chính xác trên cơ sở việc tìm hiểu, khám phá giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.Những nhận xét, đánh giá này phải được thể hiện thành luận điểm và sắp xếp theo trình tự logic hợp lý.

+ Luận điểm có thể được triển khai theo hình thức diễn dịch, quy nạp hoặc tổng-phân- hợp. Kết hợp 4 thao tác nghị luận để triển khai luận điểm: Thuật dẫn (giới thiệu); Trích (đưa ra dẫn chứng); Phân tích (nội dung và nghệ thuật) Bình (đánh giá mở rộng, nâng cao)

+ Hạn chế trình bày dẫn chứng theo cách kể /thuật lại tác phẩm lan man, dài dòng thiếu sự tổng hợp khái quát về tác phẩm. Chú ý kết hợp linh hoạt giữa phân tích, bình giảng các chi tiết, hình ảnh, câu văn cụ thể với nhận xét, đánh giá khái quát.

+ Bài văn nghị luận về tác phẩm truyện đòi hỏi người viết thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc riêng của mình với vấn đề nghị luận. Cảm xúc này được thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. Đó không phải là kiểu câu cảm thán như trong văn miêu tả, biểu cảm mà là những câu văn biểu đạt cảm nhận, ý kiến riêng của người viết về cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

+ Cần chú ý đến sự liên kết giữa các phần, đoạn; có thể sử dụng các từ chuyển tiếp như: bên cạnh đó, cùng lúc đó, mặt khác, không chỉ... mà còn... để chuyển ý và chuyển liên kết đoạn

- Bước 4: Đọc và kiểm tra mức độ đáp ứng yêu cầu của bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) theo các tiêu chí cơ bản sau

	Tiêu chí tự đánh giá	**Mức độ đánh giá**	
		Có	Không
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề nghị luận		
	Ý kiến đánh giá chung về vấn đề nghị luận		
Thân bài	Khái quát chung về vấn đề nghị luận		
	Hệ thống luận điểm sắp xếp theo trình tự hợp lý		
	Kết hợp giữa phân tích dẫn chứng và nhận xét, đánh giá khi triển khai từng luận điểm.		
	Liên kết hợp lý tự nhiên giữa các phần, đoạn		
	Thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc riêng của người viết.		
Kết bài	Tổng kết khẳng định lại vấn đề nghị luận		
	Viết đúng chính tả, ngữ pháp		
	Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy		

b) Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ
* Nhận dạng kiểu bài: Đối tượng của kiểu bài này là tác phẩm thơ (bài thơ hoặc đoạn trích). Mục đích kiểu của kiểu bài này là kiểm tra năng lực cảm thụ văn học (hiểu, phân tích, bình giảng, lý giải) của người viết. Một số dạng thường gặp của nghị luận về tác phẩm thơ:
- Phân tích:giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ
- Bình giảng câu thơ, đoạn thơ, bài thơ
- Cảm nhận về đoạn thơ, bài thơ hoặc một nội dung (chủ đề, hình tượng, tâm trạng) trong đoạn thơ, bài thơ
- Suy nghĩ về một nội dung trong đoạn thơ, bài thơ
* Các bước triển khai
- Bước 1: Phân tích đề bài: gạch chân dưới từ ngữ trọng tâm của đề bài để xác định chính xác yêu cầu cần tập trung tìm hiểu, tránh lạc sang vấn đề khác.
- Bước 2: xây dựng dàn ý với bố cục 3 phần
+ Mở bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận; nêu suy nghĩ cảm nhận chung về đoạn thơ, bài thơ, vấn đề nghị luận. Trích dẫn đoạn thơ, bài thơ (Lưu ý: nếu văn bản ngắn nên chép lại đầy đủ; nếu văn bản dài có thể ghi câu đầu tiên sau đó xuống hàng để dấu ba chấm, tiếp tục xuống hàng viết câu thơ cuối cùng; phân tích dẫn lên đưa vào dấu ngoặc kép)
+ Thân bài: Hệ thống luận điểm của bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ có thể theo trình tự sau:
(1) Khái quát chung: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ; vai trò, ý nghĩa của đoạn thơ trong chỉnh thể tác phẩm
(2) Trình bày suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ theo từng ý thơ, khổ thơ hoặc câu thơ. Lưu ý trình tự: khái quát nội dung ý /khổ/ câu thơ - trích dẫn khổ thơ, câu thơ - phân tích, đánh giá theo nguyên tắc: đi từ nghệ thuật đến nội dung. Đối với tác phẩm thơ, những yếu tố về ngôn ngữ, giọng điệu, cấu tứ, tư tưởng là những vấn đề quan trọng cần chú ý.
(3) Bình luận, mở rộng vấn đề: nhận xét về tài năng, phong cách tác giả; đánh giá, nhận xét chung về nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ hoặc nghệ thuật thể hiện vấn đề nghị luận; liên hệ bài học trong cuộc sống
+ Kết luận: Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ/ thành công của vấn đề nghị luận; nhấn mạnh ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ với sự nghiệp sáng tác của tác giả, đối với nền văn học.
- Bước 3: Viết bài văn hoàn chỉnh. Quá trình viết cần lưu ý một số vấn đề sau:
+ Luận điểm có thể được triển khai khai theo hình thức diễn dịch, quy nạp hoặc tổng - phân - hợp. Mỗi luận điểm nên viết thành một đoạn văn. Trong đoạn văn triển khai luận điểm, các lý lẽ phải cụ thể, rõ ràng kèm theo dẫn chứng minh họa sinh động.

+ Bài văn nghị luận về bài thơ, đoạn thơ đòi hỏi người viết nêu được các nhận xét, đánh giá và sự cảm thụ của riêng mình với vấn đề nghị luận. Những nhận xét, đánh giá này phải xuất phát từ sự phân tích, bình giá ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, cấu trúc, cảm xúc... của tác phẩm. Hạn chế việc diễn xuôi ý của lời thơ.

+ Việc trích dẫn thơ minh họa cho các ý kiến, nhận xét cần có sự chọn lọc. Những câu thơ, đoạn thơ trích dẫn phải đặc sắc, tiêu biểu, thể hiện được cái hay, cái đẹp của tác phẩm thơ. Có thể sử dụng hai hình thức trích dẫn thơ: trích dẫn trực tiếp (trích dẫn nguyên vẹn câu thơ, đoạn thơ); trích dẫn gián tiếp (diễn giải lại nội dung câu thơ, đoạn thơ).

+ Để sự phân tích, nhận xét, đánh giá được sâu sắc, thuyết phục, người viết có thể viện dẫn ý kiến của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học hoặc mở rộng liên hệ, so sánh với các đoạn thơ, bài thơ cùng đề tài, chủ đề, từ đó nêu bật lên giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm nghị luận.

+ Cần chú ý đến sự liên kết giữa các phần, các đoạn

- Bước 4: Đọc và kiểm tra mức độ đáp ứng yêu cầu của bài văn nghị luận về bài thơ đoạn thơ theo một số tiêu chí cơ bản sau

	Tiêu chí tự đánh giá	**Mức độ đánh giá**	
		Có	Không
Mở bài	Giới thiệu được đoạn thơ, bài thơ		
	Ý kiến, đánh giá chung về đoạn thơ, bài thơ		
Thân bài	Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ/ Vai trò của đoạn thơ trong tác phẩm		
	Hệ thống luận điểm sắp xếp theo trình tự hợp lý		
	Kết hợp giữa nhận xét, đánh giá và phân tích ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu...		
	Liên kết hợp lý tự nhiên giữa các phần, đoạn		
	Lời văn thể hiện được cảm xúc riêng của người viết.		
	Viện dẫn ý kiến của người khác hoặc so sánh với văn bản khác cùng chủ đề, đề tài		
Kết bài	Tổng kết khẳng định giá trị nội dung nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ		
	Viết đúng chính tả, ngữ pháp		
	Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, có cảm xúc		

Đề số 1

Câu 1 (3 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau;

Một ngày nọ, người cha giàu có dẫn con trai đến một vùng quê để thằng bé thấy những người nghèo ở đây sống như thế nào. Họ tìm đến nông trại của một gia đình nghèo.'Đây là một cách để dạy con biết quý trọng những người có cuộc sống cơ cực hơn mình" - người cha nghĩ đó là bài học thực tế tốt cho đứa con bé bỏng của mình.

Sau khi ở lại và tìm hiểu đời sống ở đây, họ trở về nhà. Trên đường về, người cha nhìn con trai mỉm cười:

- Chuyến đi như thế nào hả con?

- Thật tuyệt vời bố ạ !

- Con đã thấy những người nghèo sống như thế nào rồi đấy!

- Ồ vâng.

- Thế con đã rút ra được điều gì từ chuyến đi này?

Đứa trẻ không ngần ngại trả lời:

- Con thấy chúng ta có một con chó, họ có bố bốn con. nhà mình có một hồ bơi, họ lại có một con sông dài bất tận. Chúng ta phải đưa những chiếc đèn lồng vào vườn, họ lại có những ngôi sao lấp lánh vào đêm. Mái hiên nhà ta chỉ đến trước sân, họ thì có cả chân trời. Chúng ta có một miếng đất để sinh sống và họ có những cánh đồng trải dài. Chúng ta phải mua thực phẩm còn họ lại trồng ra những thứ ấy .Chúng ta có những bức tường bảo vệ xung quanh còn họ có những người bạn láng giềng che chở cho nhau.

Đến đây người cha không nói gì cả.

"Bố ơi, con đã biết chúng ta nghèo như thế nào rồi..."- cậu bé nói thêm.

(Quà tặng cuộc sống)

a) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

b) Quan niệm về sự giàu nghèo của hai cha con khác nhau như thế nào?

c) Nêu bài học sâu sắc nhất em rút ra từ khi đọc văn bản trên.

Câu 2

Từ nội dung văn bản ở câu 1, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: *Người sống nhiều nhất không phải là người sống lâu năm nhất mà là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất*

Câu 3: Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương"(Nguyễn Dữ)

Đáp án

Câu 1

a) Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

b) Người cha đánh giá sự giàu nghèo dựa trên tài sản và những giá trị vật chất mà con người sở hữu. Đứa con đánh giá sự giàu nghèo dựa trên sự trải nghiệm và những giá trị tinh thần mà con người thu nhận được.

c) Bài học: Không nên tùy tiện áp đặt quan điểm, giá trị sống của mình cho người khác; không lấy vật chất làm thước đo mọi giá trị của đời sống

Câu 2:

- Giải thích:

+ Trải nghiệm: Tự mình trải qua trong thực tế để có được những hiểu biết, kinh nghiệm tích lũy cuộc sống.

+ Nội dung nhận định: Giá trị cuộc sống con người không phải được tính bằng thời gian tồn tại của người đó trong cõi đời mà là bằng những gì người đó tự mình trải qua và cảm nhận được cuộc sống; ý kiến cổ vũ cho lối sống tích cực trải nghiệm.

- Bàn luận:

+ Người sống nhiều nhất không phải là người sống lâu năm nhất bởi sống lâu mà sống tẻ nhạt, thụ độn,g dựa dẫm thì chỉ là tồn tại cuộc sống không ý nghĩa.

+ Người sống nhiều nhất là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất bởi: Trải nghiệm cho con người lối sống tích cực, chủ động và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

Khi có nhiều trải nghiệm, con người được sống cuộc sống phong phú hơn: được sống nhiều cuộc đời, trải qua nhiều cảnh ngộ, nhiều tình huống...

Khi trải nghiệm con người được mở mang trí tuệ, rèn luyện kỹ năn, thái độ để nâng cao chất lượng cuộc sống.

+ Mở rộng:

Đề cao sự trải nghiệm cuộc sống song cũng cần trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cơ bản, thái độ sống đúng đắn.

Không sống thụ động, buồn tẻ song cũng không nên có những trải nghiệm liều lĩnh, không phù hợp với lứa tuổi khi chưa có điều kiện phù hợp

- Bài học: Hiểu ý nghĩa đúng đắn của trải nghiệm và tăng cường trải nghiệm để tăng thêm giá trị sống cho bản thân

Câu 3:

1. Mở bài

- Giới thiệu về *Truyền kì mạn lục* và vị trí của tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* trong *Truyền kì mạn lục*

- Khái quát về Vũ Nương - nhân vật trung tâm trong truyện kể, người được xây dựng như kết tinh cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

2. Thân bài

- Khái quát về nội dung của tác phẩm:*Chuyện người con gái Nam Xương*kể về cuộc đời Vũ Nương - người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh mã số phận bi thương

- Vẻ đẹp của Vũ Nương:

+ Nhan sắc xinh đẹp: tư dung tốt đẹp. Trương Sinh mến vẻ đẹp của nàng nên cưới về làm vợ

+ Tính cách thùy mị, nết na: Thể hiện qua lời giới thiệu trực tiếp ở phần đầu tác phẩm; qua hành động, lời nói của nhân vật trong các mối quan hệ:

Với mẹ chồng: Vũ Nương một lòng chăm sóc mẹ chồng. Khi Trương Sinh ra trận, nàng thuốc thang, lễ bái thần Phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn khi bà nhớ con trai đến sinh ốm. Nàng thương xót ,lo liệu ma chay chu đáo khi mẹ chồng khuất núi.

Với chồng: Vũ Nương hiểu tính chồng nên khi Trương Sinh còn ở nhà nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Lúc tiễn Trương Sinh lên đường, nàng dặn dò chồng giữ gìn để được bình yên trở về, không mong chờ vinh hiển. Những tháng ngày Trương Sinh ở ngoài chiến trường, Vũ Nương lo lắng, nhớ thương khắc khoải. Khi chồng trở về, vì hiểu lầm mà ghen tuông, trách cứ, ruồng rẫy nàng vẫn nại thanh minh mong chồng chuyển ý, vẫn một lòng vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Đến tận khi phải lấy cái chết để chứng minh cho tấm lòng trong sạch, ở thủy cung rồi, Vũ Nương vẫn đau đáu nỗi niềm với chồng con

Với con: Vũ Nương sinh con khi chồng ở ngoài chiến trận. Một mình chăm con, nàng thường trỏ bóng mình và nói với con là bố. Hành động này có lẽ không đơn giản chỉ là đùa vui. Ẩn Sau đó là sự cố gắng bù đắp của Vũ Nương cho con để hình bóng người cha không thiếu vắng trong ngôi nhà . Đó cũng là cách để nàng khuây khỏa phần nào nỗi nhớ nhung trong những ngày tháng chờ đợi mòn mỏi.

=> Nhận xét: Vũ Nương là một người phụ nữ hội tụ đầy đủ những vẻ đẹp truyền thống: đảm đang, hiếu thuận, thủy chung, yêu chồng, thương con. Người phụ nữ như thế xứng đáng được hưởng một cuộc sống tốt đẹp. Thế nhưng cuộc đời của Vũ Nương lại đầy bất hạnh. bi kịch của nhân vật gợi lên trong lòng người đọc niềm thương cảm sâu sắc và nỗi day dứt, ám ảnh về số phận con người

- Bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Dữ khi miêu tả tả vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương (có thể lồng trong các luận điểm của nhân vật):

+ Đặt nhân vật trong sự quan sát về nhiều phía (nhận xét đánh giá của người kể chuyện, Trương Sinh, mẹ chồng, họ hàng, làng xóm,Phan Lang) hình tượng nhân vật trở nên chân thực, đáng tin đ

+ Đặt nhân vật vào nhiều cảnh ngộ, nhiều mối quan hệ khác nhau (cảnh yên ấm, cảnh chia ly, cảnh bị nghi oan, cảnh được giải oan; mối quan hệ với gia đình, với làng xóm, với các nàng tiên nơi thủy cung)

+ Để nhân vật tự thể hiện mình không chỉ bằng hành động, lời nói mà còn bằng thế giới nội tâm với những cung bậc trạng thái, cảm xúc

- Giá trị nhân đạo: trân trọng vẻ đẹp, giá trị con người; phơi bày thực tại tàn nhẫn, bất công: cuộc sống bấp bênh, số phận bi thảm của người phụ nữ

3. Kết bài:

- Khẳng định lại những vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương
- Khẳng định tấm lòng yêu thương con người của nhà văn Nguyễn Dữ

Đề số 2

Câu 1: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem người bệnh nặng nếu kịp thời chạy chữa thì sống để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết lắm thời cơ đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu muốn biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

a) Kể tên một phép liên kết được sử dụng trong văn bản

b) Theo tác giả, tại sao "bỏ phí thời gian thì có hại"?

c) Với cá nhân em, thời gian là gì? Tại sao?

Câu 2: Từ nội dung của văn bản câu 1, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc sử dụng thời gian hợp lí.

Câu 3: Những đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du qua đoạn trích "Chị em Thúy Kiều"

Đáp án

Câu 1:

a) HS kể tên một trong các phép liên kết sau; liên kết chủ đề (các câu văn đoạn văn hướng đến biểu đạt chủ đề khẳng định vai trò của thời gian); phép lặp (lặp từ "*thời gian",* lặp cấu trúc câu: *Thời gian là...*)

b) Bởi thời gian quý như vàng, thời gian là sự sống, thời gian là thắng lợi, thời gian là tiền, thời gian là tri thức.

c) học sinh nêu được quan niệm về thời gian (có thể sử dụng các định nghĩa trong văn bản hoặc theo quan điểm mới) và giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn.

Câu 2:

- Nêu chủ đề nghị luận: Việc sử dụng thời gian hợp lý là kỹ năng quan trọng, thiết yếu đối với mỗi người, đặc biệt là con người hiện đại.

- Triển khai vấn đề nghị luận:

+ Sử dụng thời gian hợp lý giúp con người làm chủ công việc và cuộc sống, biết sắp xếp thời gian hợp lý, có kế hoạch rõ ràng; mỗi người sẽ cân bằng giữa làm việc và tận hưởng cuộc sống. Mặt khác, biết tận dụng từng giây phút trong cuộc đời con người sẽ không phải hối tiếc trước sự trôi chảy của thời gian.

+ Quản lý và sử dụng thời gian hiệu quả con người không chỉ phát triển bản thân mà còn góp phần tích cực cho xã hội. Quản lý và sử dụng thời gian hiệu quả cũng là yếu tố thiết yếu tạo nên thành công của một tập thể, một tổ chức, doanh nghiệp.

+ Dẫn câu nói của BrianTracy: "Tài nguyên lớn nhất của bạn là thời gian" Karl Marx " Mọi tiết kiệm suy cho cùng là tiết kiệm thời gian"

Đề số 3

Câu 1:

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

Mẹ ta không có yếm đào
nón mê thay nón quai thao đội đầu
rối ren tay bí tay bầu
váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa

Cái cò... xung chát đào chua...
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru

(Trích "Ngồi Buồn Nhớ Mẹ Ta Xưa" - Nguyễn Duy)

a) Nêu tên thể thơ và những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ

b) Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong đoạn thơ?

c) Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 2

Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với mỗi con người.

Lấy câu văn nêu trênlàm câu chủ đề, hãy triển khai tiếp để có một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày theo cách diễn dịch.

Đáp án

Câu 1:

a) Thể thơ lục bát;

- Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm

b) Hình ảnh người mẹ hiện lên trong đoạn thơ: nghèo khổ, vất vả, lam lũ, tình yêu thương bao la dành cho con

c) Các biện pháp tu từ:

- Đảo ngữ (rối ren tay bí Tay bầu)

- Đối (tay bí - tay bầu; váy nhuộm bùn - áo nhuộm nâu)

- Hiệu quả; nhấn mạnh làm nổi bật sự tần tảo vất vả cuộc sống nghèo khổ của người mẹ

Câu 2:

- Dẫn câu chủ đề đoạn văn

- Triển khai đoạn nghị luận

+ Tình mẫu tử là tình cảm yêu thương của mẹ dành cho con. Đó là tình cảm gắn kết tự nhiên, là tình yêu thương trao đi vô điều kiện . Dẫn chứng: Người mẹ ung thư sẵn sàng hi sinh sự sống của mình để con được sinh ra, người mẹ Trung Quốc lấy thân mình che cho con trong trận động đất ở ở Tứ Xuyên.

+ Tình mẫu tử là tình cảm vô giá và mỗi người con nhận được khi vấp ngã, thất bại, mẹ là người nâng đỡ; khi thành công, hạnh phúc, mẹ là người chia sẻ. Sự yêu thương, kỳ vọng của mẹ là động lực để con vững bước. Dẫn chứng: câu ca dao: *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn*; danh ngôn*: thế giới có nhiều kì quan nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim người mẹ.*

+ Tình mẫu tử không thể thay thế, không thể đong đếm. Là con, không nên chỉ biết đón nhận mà còn phải báo đáp; cần trưởng thành để mẹ yên lòng.

Đề số 4

Câu 1:

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

Một con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén và trở thành con bướm biết bay. Một hạt giống nằm sâu trong lòng đất nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày để thành cây cứng cáp.

Con tằm nào được người ta cắt vỏ kém chui ra mãi bỏ quanh quẩn cái kém mà không bao giờ thành loài bướm biết bay. Hạt giống nằm trên mặt đất dễ dàng nảy mầm nhưng sẽ bị bật gốc khi gặp cơn bão tố

Con người không chỉ chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể chọn cho mình một cách sống; rèn luyện cho mình khả năng chịu đựng và bản lĩnh ý chí vượt qua thử thách, khó khăn, bất hạnh và cả thất bại. Thất bại, bất hạnh có thể là điều tuyệt vọng với người này nhưng có thể là may mắn với người khác - tùy vào cách chúng ta đón nhận bằng cách dũng cảm vượt qua hay tự thương thân, trách phận mà gục ngã

(Trích *Hạt Giống Tâm Hồn*)

a) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích

b) Trong đoạn trích, hình ảnh cái kén, tầng đất dày ẩn dụ cho điều gì?

c) Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

Câu 2:

Từ nội dung đoạn trích câu 1, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về cách ứng xử của bản thân khi đối diện với những thử thách.

Đáp án

Câu 1:

a) phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

b) "*Cái kén","tầng rất dày"* là ẩn dụ cho những khó khăn thử thách mà con người phải vượt qua để vững vàng, trưởng thành và phát triển.

c) Thông điệp: học sinh có thể lựa chọn một số thông điệp sau:

- Con người phải biết biết với vượt lên hoàn cảnh, không đầu hàng trước khó khăn thử thách

- Con người cần coi nghịch cảnh, thất bại là cơ hội để rèn luyện bản thân từ đó mạnh mẽ và trưởng thành hơn.

- Con người phải biết tin vào chính mình, lạc quan, mạnh mẽ và tự chủ. Trong đời sống không phải lúc nào cuộc sốngthuận lợi, dễ dàng cũng là điều may mắn, cuộc sống nhiều khó khăn, thử thách cũng là một sự bất hạnh.

Đề số 5

Câu 1: Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau sau:

Đọc nhiều, đi nhiều là cách tốt nhất để chúng ta tích lũy tri thức . Người xưa nói: "Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường", chỉ có đọc nhiều, tiếp xúc nhiềuvới xã hội thì cuộc sống của chúng ta mới có thể trở nên phong phú hơn. Khi năng lực và tri thức được nâng cao, con người sẽ có nhiều kinh nghiệm sống với kiến thức rộng hơn. Chính vì vậy mà chúng ta sẽ tích lũy được kỹ năng giao tiếp xã hội (...)

Đa số các nhà diễn thuyết đều rất yêu thích việc đọc sách, mỗi ngày ít nhất họ cũng phải đọc một tờ báo. Có người cho rằng: "Để có thể giao tiếp với mọi người tốt hơn, tìm được đề tài thích hợp thì nhất định phải am hiểu tin tức. Để am hiểu tin tức thì nhất định phải đọc nhiều sách". Chỉ có cách tích lũy tri thức như vậy mới giúp chúng ta giao tiếp tự tin.

"Đọc" là sự chuẩn bị cho một cuộc nói chuyện.

(Trích *Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ*)

a) Xác định câu chủ đề của đoạn trích.

b) Em hiểu thế nào về câu "Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường"?

c) *"Đọc" là sự chuẩn bị của một cuộc nói chuyện*. Câu văn trên nhấn mạnh vai trò của việc đọc sách đối với kỹ năng nào trong cuộc sống?

Câu 2:

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về giải pháp nâng cao văn hóa đọc trong thời đại nghe nhìn.

Câu 3:

Vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.

Đáp án

Câu 1:

a) Câu chủ đề: Đọc nhiều, đi nhiều là cách tốt nhất để chúng ta tích lũy tri thức.

b) Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đọc sách và những chuyến đi tìm hiểu khám phá thế giới. Chỉ có đọc nhiều, đi nhiều, tiếp xúc nhiều cuộc sống của chúng ta mới phong phú, tâm hồn mới được rộng mở, trí tuệ mới được bồi đắp.

c) Vai trò của việc đọc sách với sự hình thành, phát triển của kỹ năng giao tiếp

Câu 2:

- Nêu thực trạng: xã hội hiện đại, con người dường như bận rộn hơn sự bùng nổ của công nghệ truyền thông khiến việc đọc trở nên lép vế so với xem, nghe, nhìn, ngắm

- Đánh giá: Sự suy giảm của văn hóa đọc là một hiện tượng đáng buồn. Xã hội càng văn minh, hiện đại con người càng cần phải dành nhiều thời gian đọc sách để mở mang tri thức, kích hoạt tư duy sáng tạo, nâng cao kỹ năng thu nhận và xử lý thông tin. Việc dành nhiều thời gian cho nghe, nhìn, giải trí khiến tư duy sẽ bị hạn chế.

- Giải pháp nâng cao văn hóa đọc trong thời đại nghe, nhìn:

+ Cá nhân: ý thức được tầm quan trọng của việc đọc đối với sự phát triển bản thân (mở rộng hiểu biết, phát triển tư duy, nuôi dưỡng tâm hồn và trau dồi nhân cách); dành thời gian để đọc sách mỗi ngày.

+ Cộng đồng: Hoạt động cần thiết để lan tỏa cảm hứng đọc sách; giới thiệu những cuốn sách có giá trị ở các lĩnh vực khác nhau để định hướng và nâng cao văn hóa đọc; đa dạng hóa các hình thức đọc sách in, sách điện tử... Dẫn chứng: người do Thái Tổ chức nghi lễ "hôn sách" cho con, các triển lãm/ hội chợ sách, chương trình giới thiệu mỗi ngày một cuốn sách.

- Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama từng nói: "Việc đọc rất quan trọng. Nếu bạn biết cách đọc cả thế giới sẽ mở ra cho bạn".

Câu 3:

**** Mở bài:***

- Giới thiệu về nhà thơ Chính Hữu và bài thơ "Đồng chí"

- Người lính là hình tượng trung tâm trong thơ Chính Hữu nói chung, bài thơ "Đồng chí" nói riêng

**** Thân bài:***

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ tác phẩm: Ra đời năm 1948,"Đồng chí" là tiếng nói tri ân của Chính Hữu với những người đồng đội đã cùng ông trải qua những ngày tháng đấu tranh chống Pháp gian khổ mà hào hùng trong Chiến dịch Việt Bắc. Bài thơ được in trong tập "Đầu súng trăng treo'

- Giống như nhan đề, chủ đề bài thơ là tình đồng chí - tình cảm giản dị và cao đẹp. Chủ nhân của tình cảm ấy là những người lính. Ca ngợi tình đồng chí cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của người lính.

- Người lính trong thơ Chính Hữu hiện lên với vẻ đẹp giản dị, gần gũi. khác cái hào hoa của các chàng trai trong binh đoàn Tây Tiến (bài thơ "Tây Tiến" - Quang Dũng), họ vốn là những người nông dân xuất thân từ miền quê nghèo khó - miền biển đất nhiễm mặn, miền trung du đất cằn. Nét bình dị của người lính còn thể hiện ở những hình ảnh thân thương của họ trong cuộc sống khó nhọc nơi chiến trường : *Áo anh rách vai/ quần tôi có vài mảnh vá/ chân không giày.*

- Người lính trong "Đồng chí" còn đẹp trong những tình cảm lớn lao, sâu sắc. Đó là tình yêu quê hương, đất nước, lý tưởng chiến đấu chống quân thù. Đây chính là sợi dây kết nối đầu tiên những con người xa lạ từ những miền quê khác nhau:*Anh với tôi...quen nhau/ Súng bên súng, đầu sát bên đầu.* Đó là tình cảm nhớ thương quê hương, Những nỗi niềm thiết tha hướng về hậu phương: *Ruộng nương anh gửi ... người ra lính*. Hình ảnh người lính trở nên chân thực, sống động chính bởi những tình cảm rất đời thường, vừa thiết tha vừa mộc mạc, giản dị. Và đặc biệt, đó là tình đồng chí gắn bó sâu nặng. Những tháng ngày đồng hành chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng trải qua gian nan, thử thách đã vun đắp lên thứ tình cảm cao đẹp này. Đồng chí - không chỉ là những người cùng giai cấp, cùng chiến tuyến, cùng lý tưởng chính trị mà còn là những người bạn, người thân, tri kỷ của nhau:*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ/ thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Vẻ đẹp của người lính, của tình đồng chí được khắc họa trên nền không gian chiến trường vừa hoang lạnh, khắc nghiệt giữa thơ mộng trữ tình:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo!

Người lính không chỉ có lòng gan dạ, không chỉ có trái tim yêu thương nồng ấm dành cho đồng đội mà họ còn có tâm hồn mộng mơ, rất thơ.

- Nghệ thuật (nên lồng phần nghệ thuật trong quá trình phân tích những luận điểm về vẻ đẹp của người lính)

+ Thể thơ tự do

+ Ngôn ngữ giản dị nhưng cảm xúc

+ Bút pháp tả thực

+ Giọng điệu tâm tình

+ Từ ngữ và hình ảnh được sắp xếp theo cấu trúc sóng đôi góp phần thể hiện thành công hình tượng người lính, để lại để lại những xúc động trong tâm trí người đọc

**** Kết bài:***

-"Đồng chí" đã khai thác được vẻ đẹp vừa đời thường giản dị, vừa lớn lao cao cả của người lính

- Bài thơ khẳng định tài năng và tấm lòng của Chính Hữu

Đề số 6

Câu 1:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi ở dưới:

Mê Kông quặn đẻ
Chín nhánh sông vàng
Nông dân Nam Bộ gối đất nằm xương
Mồ hôi vã bãi lau thành đồng lúa
Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu
Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau
Những mặt đất
Cha ông ta nhắm mắt
Truyền cháu con không bao giờ chia cắt

(Cửu Long Giang ta ơi! - Nguyên Hồng)

a) Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

b) Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn thơ trên.

c) Từ "truyền" trong câu cuối thuộc từ loại nào? Cha ông ta đã truyền cho con cháu thông điệp gì?

Câu 2: Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với quê hương, đất nước.

Câu 3: Cảm nhận về vẻ đẹp của người lính trong hai đoạn thơ sau:

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

(Đồng chí - Chính Hữu)

Đáp án

Câu 1:

a) Thể thơ tự do

b) Biện pháp tu từ liệt kê:

- Biểu hiện: Liệt kê những tên riêng ở vùng đất Nam Bộ: *Những Hà Tiên, Gia Định Long Châu; Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau.*
- Tác dụng: Ca ngợi công lao của người nông dân Nam Bộ đã xây dựng đất nước dựng nên làng xóm, đặt dấu ấn riêng trên những cái tên của mảnh đất quê hương. Thế hệ cha ông đã làm nên hình hài quê hương, đất nước.

c) Từ loại: Động từ. Thông điệp: Cha ông ta đã chuyển cho con cháu thông điệp cần đoàn kết giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ để đất nước *không bao giờ chia cắt.* Người xưa đã hy sinh để bảo vệ mảnh đất quê hương, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ cho thế hệ sau. Con cháu có trách nhiệm tiếp nối bảo vệ sự toàn vẹn đó.

Câu 2:

1. Giải thích: Đất nước là khái niệm rộng lớn nhưng cũng rất cụ th,ể gần gũi. Đất nước chính là quê hương - nơi có gia đình, người thân, có những sinh hoạt gần gũi, gắn bó, có những kỷ niệm, ký ức, cảm xúc của mỗi chúng ta... Ý thức trách nhiệm với quê hương đất nước chính là việc mỗi người nhận thức được bổn phận cá nhân tham gia đóng góp, cống hiến cho quê hương, đất nước. Thế hệ trẻ cần tự nguyện gánh vác những công việc chung của đất nước.

2. Bàn luận:

- Mỗi chúng ta khi sinh ra được sống trong nền hòa bình đã là một sự may mắn. Đó là thành quả chúng ta được trao tặng từ những thế hệ cha anh đã cống hiến, hy sinh để bảo vệ và xây dựng đất nước. Vì vậy, chúng ta cần cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà vững mạnh, tiếp nối truyền thống cha ông.
- Mỗi người tự trau dồi bản thân, xây dựng cuộc sống cá nhân tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho quê hương, đất nước: Trau dồi tri thức, rèn luyện bản lĩnh, vững vàng trước cuộc hội nhập quốc tế, rèn luyện sức khỏe...
- Mở rộng phê phán những người trẻ ích kỷ, đòi hỏi ở đất nước mà không đóng góp gì, thậm chí làm hoen ố truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Bài học: Cần ý thức rõ ràng về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với tương lai đất nước; thực hiện hành động cụ thể như: học tập thật tốt, nghe lời ông bà, cha mẹ, lễ phép với thầy cô giáo, yêu thương và và giúp đỡ những người xung quanh,...

Câu 3:

a) Mở bài:

- Dẫn dắt giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, vị trí, nội dung của hai đoạn thơ cần phân tích.

b) Thân bài

* Những nét chung của hai đoạn thơ

- Đều viết về đề tài người lính và tình đồng đội, đồng chí gắn bó.
- Đều xây dựng hình tượng những người lính trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, khó khăn, nguy hiểm, thiếu thốn*: áo anh rách vai, quần tôi có vài mảnh vá, chân không giày; bom rơi, cửa kính vỡ* .
- Người lính thời đại nào cũng mang nét đẹp chung: tình yêu quê hương đất nước, kiên cường, dũng cảm, tinh thần lạc quan, mang niềm tin và hy vọng
- Bút pháp tự sự kết hợp biểu cảm.

* Những nét riêng của mỗi đoạn thơ:

- Đoạn thơ trong bài *Đồng chí*

+ Người lính trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp là những người nông dân áo vải lam lũ.

+ Cách xưng hô "anh" - "tôi" thể hiện tình cảm thân thương, gắn bó.

+ Hình ảnh *"Miệng cười buốt giá", "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"* thể hiện tình thương, sự đồng cảm sẻ chia giữa những người đồng chí. Họ truyền cho nhau sức mạnh, niềm tin, sức mạnh vượt qua khó khăn. Tình đồng chígắn kết họ thành một khối đoàn kết vững bền.

- Đoạn thơ trong " Bài thơ về tiểu đội xe không kính"

+ Người lính trong kháng chiến chống Mỹ, ở độ tuổi trẻ trung.

+ Hình ảnh những chiếc xe từ *"trong bom rơi"*trên con đường máu lửa nhưng điểm đến lại là một tập thể gắn kết *"họp thành tiểu đội";* hình ảnh *"Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"* thể hiện tình đồng đội chân tình. Cái bắt tay nhanh nhẹn, khỏe khoắn, thể hiện thất lính rất riêng của thế hệ trẻ.

3. Kết bài:

- Hai đoạn thơ thể hiện tình đồng đội, đồng chí giữa những người lính - nhân vật trung tâm của thời đại.
- Suy nghĩ về vẻ đẹp, phẩm chất của thế hệ cha anh và liên hệ với bản thân.

Đề số 7

Câu 1:

Đọc trích đoạn bài báo dưới đây và trả lời câu hỏi ở dưới

"(...) Đã từng nghe ai đó nói: "Đọc sách là khoản đầu tư có lãi nhất cuộc đời". Vậy thì phải chăng là người Việt đang có sự "đầu tư"chệnh hướng. Khi mà trong khoảng thời gian hữu hạn của một ngày,một tháng,một năm,... mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những "like, share, bình luận" thì khoảng thời gian ta

dành cho việc đọc sách sẽ là bao nhiêu? Đã bao giờ mỗi chúng ta tự hỏi chính mình về sự đầu tư cho "văn hóa đọc". Đó không đơn giản chỉ là sự đầu tư 100, 200 nghìn cho việc sở hữu cuốn sách nào đấy. Ở đó còn là thời gian, công sức, sự chiêm nghiệm, suy tư... và sau cùng là thu về được những gì? Đó chắc chắn là những giá trị đích thực mà chỉ khi tác giả, nhà xuất bản, độc giả cùng nghiêm túc (...).

(Dẫn theo Công nghệ số thay đổi văn hóa đọc)

a) Đoạn trích trên đặt ra vấn đề gì?

b) Tìm hai câu có sử dụng thành phần biệt lập trong đoạn trích trên. Gọi tên đúng thành phần biệt lập có trong câu đó.

c) Theo tác giả, nguyên nhân nào dẫn đến việc người Việt ít dành thời gian cho việc đọc sách. Em hãy nêu ít nhất một nguyên nhân khác cũng dẫn đến hiện trạng trên

Câu 2:

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1 kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về vai trò của việc đọc sách trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày nay

Câu 3:

Cảm nhận về vẻ đẹp của biển cả và niềm vui của người lao động trong đoạn thơ sau:

Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông.
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

(Trích "Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận)

Đáp án

Câu 1.

a) Vấn đề: văn hóa đọc

b) Hai câu có sử dụng thành phần biệt lập:*"Vậy thì phải chăng là người Việt đang có sự "đầu tư"chệch hướng". "Đó chắc chắn là những giá trị đích thực mà chỉ khi tác giả, nhà xuất bản, độc giả cùng nghiêm túc"* thành phần *"phải chăng", "chắc chắn"* là thành phần tình thái.

c) Tác giả bài báo đưa ra nguyên nhân để giải thích người Việt ít dành thời gian cho việc đọc sách: mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những "like, share, bình

luận". Nguyên nhân khác: HS có thể nêu ra nguyên nhân bất kỳ do chưa biết cách lựa chọn đầu sách nên dẫn đến tâm lý ái ngại, không tìm được hứng thú của việc đọc sách; do bị cuốn thêu vấn theo nhiều trò chơi giải trí khác...

Câu 2:

a) Giải thích: Sách là kết tinh của tri thức trí tuệ và tâm hồn nhân loại. Việc đọc sách là việc vô cùng cần thiết trong thời đại mới, thời đại của sự hội nhập và phát triển

b) Bàn luận: Đọc sách giúp ta bồi đắp cho dòng chảy tri thức của con người, có nguồn thông tin kiến thức bổ ích và phong phú...; đọc sách giúp ta xóa tan u buồn, thất vọng, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm tốt đẹp; bầu bạn với sách là cách dễ nhất để tâm tĩnh lại, tầm nhìn mở rộng để khám phá được luôn điều hay, mới lạ...(dẫn chứng)

- Mở rộng: phê phán những người lười đọc sách; tuy nhiên cũng phải lựa chọn sách phù hợp, tránh sách vô bổ gây ảnh hưởng xấu

c) Bài học: Cần tăng thời gian đọc sách để phát triển bản thân, theo kịp sự phát triển của xã hộ;i nên tìm và đọc nhiều loại sách bổ ích.

Câu 3:

a) Mở bài:

- Dẫn dắt giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu vị trí, nội dung của 2 khổ thơ cần phân tích

b) Thân bài:

** Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên tráng lệ và người lao động:*

- Tinh thần khẩn trương, hối hả, hăng say lao động được diễn tả qua từ "kịp"
- Sự khỏe mạnh của người lao động qua hình ảnh ẩn dụ *Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*. Công việc lao động vất vả nhưng lấp lánh niềm vui bởi thành quả lao động mà họ đạt được *"chùm cá nặng"*.
- Niềm vui tươi trong lao động qua những câu thơ tả cảnh đẹp đầy sáng tạo. Những khoang thuyền đầy ắp những cá nhụ, cá chim, cá đé... Ánh sáng bình minh lấp lánh ánh bạc.

** Cảnh đoàn thuyền buồm căng gió trở về bến*

- Công việc đánh cá kết thúc, đoàn thuyền trở về *"lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng"*
- Chi tiết*"đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời"* và *"mặt trời đội biển nhô màu mới"* là chi tiết giàu ý nghĩa. Hình ảnh mặt trời là hình ảnh ẩn dụ trong một tương lai xán lạn. Con thuyền chạy đua về phía trước là biểu tượng hướng đến tương lai tươi sáng của cả đất nước đang phơi phới không khí dựng xây.

c) Kết bài:

- Bài *Đoàn thuyền đánh cá* là một trong những bài thơ hay phản ánh không khí lao động hăng say náo nức của những người lao động đánh cá trên biển trong không khí của những ngày đất nước xây dựng sau giải phóng
- Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo và vận dụng nhiều biện pháp tu từ thành công.

Đề số 8

Câu 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới

Sự bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm luôn là mảnh đất màu mỡ cho mọi thứ thông tin ô hợp vì nó luôn đi cùng với sự bất định rất khó chịu. Đó là thời điểmmà giới thiên môn hiểu biết trực tiếp về bệnh ở mức cực tiểu (gần như là số không vì quá mới) trong khi dân tình đang thắc mắc và muốn biết nhất. Sự bất xứng đó cùng sự nóng vội và bất an càng lúc càng cao trong dư luận, tạo nên một khoảng không lý tưởng cho đủ loại tin vịt và tin đồn thổi kể cả những chiêu trò có tính bịp bợm.

(...) Nếu ngày xưa người ta chờ những lúc trà dư tửu hậu,hay một hai cú điện thoại để có "một câu trả lời" thì ngày nay chỉ cần móc máyra là ngay lập tức tiếp cận một nguồn câu trả lời vô tận trên những Facebook,Twitter, Youtube, Instagram, WhatsApp,... Ở những nơi đó, câu trả lời không chỉ đến từ "bạn" "người quen mà cả "bạn của bạn" rồi "bạn của bạn của bạn"...

Cho nên, thông tin đánh vào các tình cảm tiêu cực như lo âu, sợ hãi rễ lan truyền theo cấp số nhân. Như cái vòng luẩn quẩn: càng sợ càng đi tìm "câu trả lời";"càng tìm ra càng rối, càng sợ, càng hoảng. Đến lúc nào đó, đúng sai, thật giả không còn là tiêu chí tiếp nhận đầu tiên: người ta chỉ muốn nghe những gì họ muốn nghe để củng cốniềm tin và định kiến sẵn có, hơn là cái thật, cái đúng.

Covid-19 vì thế chưa lan vào cuộc sống nhưng đã tràn trên mạng xã hội. Hôm đầu tháng hai, WHO gọi luôn in sự nhiễu loạn này là một "infodemic" nghĩa là "dịch thông tin", tích hợp hai từ "infomation" (thông tin) và "epidemic"(dịch bệnh) và công bố nó như một trong những chướng ngại lớn nhất cần giải quyết trong việc chống dịch.

(Trích từ bài viết covid-19: Mạng xã hội Việt Nam những ngày nóng dịch)

a) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên

b) Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: Như cái vòng luẩn quẩn: càng sợ càng đi tìm "câu trả lời"; "càng tìm ra càng rối, càng sợ, càng hoảng.

c) Em rút ra được thông điệp gì khi đọc đoạn trích trên

Câu 2. Dựa vào nội dung đoạn trích trên kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về mặt trái của mạng xã hội.

Câu 3. Cảm nhận của em về tình bà cháu trong đoạn thơ sau

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ có khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi chẳng đến ở cùng Bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa

Năm giặc dốt làng chạy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh
Bố ở chiến khu bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên.

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai rẳng

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm năm rồi đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!

(Bếp Lửa - Bằng Việt)

Đáp án

Câu 1.

a) Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

b) Biện pháp tu từ:

+ Điệp ngữ (càng)

+ Liệt kê *(càng sợ, càng đi tìm "câu trả lời"; càng tìm ra, càng rối, càng sợ, càng hoảng)*

+ Tác dụng: Nhấn mạnh thái độ bất an, lo lắng trước các thông tin tiêu cực về dịch bệnh; gợi ra tính chất phổ biến, lặp lại và tăng cấp của các phản ứng hiếu kỳ, hoang mang trong cộng đồng khi thông tin tiêu cực lan truyền; làm rõ tác động tiêu cực của các thông tin không chính xác đến tâm lý của cộng đồng.

c) Thông điệp: Sự nhiễu loạn thông tin trong thời điểm dịch covid bùng nổ là mặt trái của sự phát triển của mạng xã hội, tác động tiêu cực tới tâm lý con người, gia tăng bất ổn trong xã hội, gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh. Mỗi người cần có sự tỉnh táo, bình tĩnh để nhìn nhận thông tin có chọn lọc để bảo vệ bản thân và xã hội khỏi những nguy cơ xấu.

Câu 2.

1. Giải thích: Mạng xã hội là các nền tảng trực tuyến có thể truy cập từ các thiết bị như di động, máy tính,... có nhiều tính năng như chia sẻ bài viết, ý tưởng cá nhân, đăng ảnh, video,... Mạng xã hội có nhiều lợi ích nhưng cũng có những tác động tiêu cực.

2. Bàn luận

- Thực trạng các biểu hiện tiêu cực của mạng xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần như giảm thị lực, tâm lý mệt mỏi; lãng phí thời gian khi sa đà vào nội dung, giảm năng suất học tập, lao động; tăng nguy cơ tiếp cận những thông tin không lành mạnh như những hình ảnh đồi trụy, tên lừa đảo, phản động...; xa rời quan hệ xã hội trực tiếp; gây hiện tượng vô cảm (dẫn chứng)

- Nguyên nhân: Nhận thức không đầy đủ về hiểm họa của mạng xã hội của một bộ phận người; cho rằng mạng xã hội chỉ là không gian ảo, không ảnh hưởng gì tới đời thực; xu hướng "sống ảo", thích thể hiện bản thân; hội chứng tâm lý FOMO (sợ bị lỡ thông tin)...

3. Bài học:

- Cần nhận thức được những tiêu cực của mạng xã hội, kiểm soát thời gian sử dụng mạng xã hội, khai thác lợi ích của mạng xã hội.

- Cần hướng cuộc sống đến những giá trị có ích cho bản thân và xã hội, tăng cường các hoạt động xã hội trong thực tiễn.

- Liên hệ bản thân: Trước khi sử dụng cần trang bị hiểu biết và đủ về mặt mặt tốt, xấu của mạng xã hội dưới sự hỗ trợ, tư vấn, định hướng của người lớ.

Câu 3

a) Mở bài

- Dẫn dắt giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu vị trí, nội dung của 2 khổ thơ cần phân tích

b) Thân bài

- Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc, gợi lại trong lòng cháu những kỉ niệm tuổi thơ bên bà. Đó là một tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

+ Tuổi thơ cháu gắn liền với bóng đen ám ảnh của chiến tranh, nạn đói dai dẳng, kéo dài (đói mòn đói mỏi)

+ Sau bao năm xa cách với bếp lửa và mùi khói nhưng đứa cháu vẫn mang cảm giác "nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay". Kỷ niệm về khói bếp sống dậy trong lòng cháu, gắn liền với nỗi thương nhớ bà và tình bà cháu.

+ Cháu xúc động, bồi hồi "Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay". "Cay" có thể là cái cay của khói bếp, cũng là cái cay cay, xót xa khi nghĩ về những năm tháng cơ cực và là cảm giác xúc động khi nhớ tới những kỉ niệm về bếp lửa của bà.

- Từ những kỉ niệm tuổi thơ bên bà người cháu suy ngẫm về cuộc đời của bà:

+ Đảo ngữ với từ láy "lận đận", ẩn dụ "nắng mưa" trong câu "lận đận đời bà biết mấy nắng mưa" cho thấy sự cảm thông, thấu hiểu, xót xa của cháu về cuộc đời đầy lo toan, vất vả của bà.

+ Câu thơ " Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ" vừa gợi ra sự tảo tần, thói quen dậy sớm, nhóm lửa, chăm lo cho gia đình; vừa là thời gian chiêm nghiệm giúp cháu nhận ra ý nghĩa của những việc làm tưởng như bình dị mà thiêng liêng vô cùng.

- Khôn lớn trưởng thành, cháu càng thấu hiểu tình yêuthương và những ý nghĩ cao cả, thiêng liêng từ một công việc rất đỗi bình dị của bà: nhóm lửa.

+ Hình ảnh bếp lửa "ấp iu nồng đượm" được nhắc đến ở cuối bài thơ như nhấn mạnh tình cảm sâu đậm giữa hai bà cháu

+ Điệp từ "nhóm" và phép liệt kê nhấn mạnh những ý nghĩa cao cả của công việc bà làm. Bà nhóm bếp cũng là nhóm lên tình cảm gia đình ấm áp, nồng đượm, nhóm lên tình yêu thương sẻ chia với xóm giềng và nhóm dậy cả những tâm tình, khát vọng của tuổi thơ.

+ Bà đã làm công việc khởi đầu của một ngày và cũng là công việc khởi đầu của một cuộc đời, một tâm hồn. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa cho thế hệ mai sau.

- Chính vì vậy, cháu đã cảm nhận được ở bếp lửa bình dị của bà sự kì lạ và thiêng liêng "Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!" phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ "Ôi" đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng, vui sướng của cháu. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà. Cháu nhớ về bà, nhớ vềbếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương, cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

c***) Kết bài***

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật hai đoạn thơ cần phân tích
- Bày tỏ tình cảm suy nghĩ về tình bà cháu thiêng liêng ấm áp.

Đề số 9

Câu 1

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Ở Nhật Bản, khi một chiếc bát bị vỡ, nó sẽ được gắn lại với nhau bằng cách trám những khe nứt bằng vàng, tạo ra những đường hoa văn tuyệt đẹp. Thông điệp đằng sau đó chính là nhấn mạnh vẻ đẹp nằm ở những chỗ bị rạn nứt. Họ tin rằng một thứ bị hỏng đều có nguyên do đằng sau nó. Điều đó càng làm cho món đồ trở nên quý giá hơn.

Với con người cũng vậy. Dù mang trên mình vết đứt hay một sự kiện nào đó xảy ra trong cuộc đời và người ta cho rằng đó là thất bại, thì không có gì là không thể sửa chữa được. Vết nứt như một huân chương danh dự, như một chứng nhân cho "những gì tôi trải qua đã tạo nên tôi ngày hôm nay".

Không ai có cuộc sống hoàn hảo, lựa chọn lấy vàng để lấp đầy vết nứt hoàn toàn phụ thuộc vào bạn. Đừng chìm sâu vào quá khứ. Bởi vì, "mỗi giai đoạn trong cuộc đời đòi hỏi nơi bạn một con người mới". Đôi khi viết nứt là điều không thể tránh khỏi để giúp bạn trở thành con người mới đó.

a) Nội dung chính của đoạn văn bản?

b) "Vết nứt" mà tác giả đề cập đến trong văn bản là gì?

c) Văn bản giúp em nhận ra bài học gì?

Câu 2.

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về câu nói trong văn bản: "Không ai có cuộc sống hoàn hảo, lựa chọn lấy vàng để lấp đầy vết đứt hoàn toàn phụ thuộc vào bạn"

Câu 3

Phân tích hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong tác phẩm *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm

Đáp án

Câu 1

a. Nội dung chính của văn bản: Từ câu chuyện về nghệ thuật hàn gắn chiếc bát vỡ của người Nhật, văn bản bàn luận về giá trị của những "vết nứt", những thất bại trong cuộc sống và việc hàn gắn nó sẽ thay đổi cuộc đời chúng ta ra sao.

b) "Vết nứt" mà tác giả đề cập đến trong văn bản là cách nói hình ảnh chỉ những thất bại, sai lầm, vấp ngã, những đổ vỡ, bất hạnh... trong cuộc sống của chúng ta. Nó có thể xuất hiện bởi lý do khách quan hoặc bởi vì lý do chủ quan nhưng sự tồn tại của nó là tất yếu của cuộc sống

c) Văn bản giúp em nhận ra bài học sau:

Với một số người, vết nứt luôn là những thất bại, sai lầm, những dấu ấn xấu xí, đau thương, buồn bã, những quá khứ buồn không muốn nhìn lại. Thậm chí, có những người chỉ tìm sâu vào quá khứ thất bại, đổ vỡ đó và không thể đứng lên được. Tuy nhiên, cuộc sống sẽ thay đổi nếu lăng kính chúng ta nhìn cuộc sống thay đổi. Việc coi viết nứt như một huân chương danh dự chính là cách hàn gắn tốt nhất trong những đứt gãy của cuộc sống. Vết nứt đem lại đau đớn, tổn thương nhưng vết nứt cũng đem đến bài học, kinh nghiệm, đem đến trải nghiệm để tạo nên một con người trưởng thành hơn. Chấp nhận vết nứt, thậm chí tìm ra vẻ đẹp của vết nứt sẽ tạo nên một con người hoàn toàn mới, thậm chí tốt đẹp hơn chúng ta ngày hôm qua.

Câu 2: Học sinh viết đoạn văn đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận, dung lượng khoảng 200 chữ; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

1. Giải thích

- Vết nứt là cách nói hình ảnh chỉ những thất bại, sai lầm, vấp ngã, những đổ vỡ, bất hạnh... trong cuộc sống của chúng ta.

- "Lấy vàng để lấp đầy vết nứt" liên quan đến câu chuyện về nghệ thuật Kintsugi của Nhật Bản. Khi một chiếc bát vỡ, nó sẽ được gắn lại với nhau bằng cách trám những khe nứt bằng vàng, tạo ra những đường hoa văn tuyệt đẹp. Đó là cách nói ví von về việc con người sẽ ứng xử với thất bại, vấp ngã, sai lầm trong cuộc sống như thế nào. Chấp nhận vết nứt như một phần của cuộc sống, thậm chí tìm ra vẻ đẹp ưu thế của nó chính là cách lấy vàng để lấp đầy vết nứt.

2. Bàn luận

- Không ai có cuộc sống hoàn hảo, vết nứt là một phần tất yếu của cuộc sống. Điều này đúng với cả số phận cá nhân và số phận lịch sử của cộng đồng, dân tộc. Dẫn chứng với cá nhân hoặc cộng đồng: Việt Nam với dáng hình của một "đất nước hình tia chớp" từ khi lập nước dường như đã định sẵn số phận "đi về phía bão giông". Những cơn bão tố của lịch sử đã được người Việt Nam chúng ta coi như một phần của hành trình 4000 năm gian nan nhưng hào hùng.

- Ứng xử với "vết nứt" bằng thái độ tiêu cực: chìm đắm trong thất bại, trong nỗi đau, trong bi kịch.

- Ứng xử với "vết nứt" bằng thái độ sống tích cực: "lấy vàng để lấp đầy vết vết nứt"

+ Hàn gắn, lấp đầy, đứng lên từ những thất bại, sai lầm để có một "tôi" mới mạnh mẽ hơn, giống như phượng hoàng phục sinh từ đống tro tàn để lộng lẫy hơn.

+ Tìm ra vẻ đẹp từ những vết nứt: coi thất bại, sai lầm, kém may mắn như một loại huân chương danh dự mà cuộc sống trao cho chúng ta, lấy đó làm động lực để bước tiếp.

Dẫn chứng: Việt Nam, Nhật Bản là những dân tộc vĩ đại, là minh chứng sống động cho triết lý l'ấy vàng để lấp đầy vết nứt". Đất nước đó mang trên mình đầy thương tích thiên tai nhưng người Nhật Bản đã dùng chính bài học ấy để dạy con em mình, tạo ra động lực cho mỗi người Nhật nỗ lực gấp hai dân tộc khác để vươn lên.

- Như vậy, "lấy vàng để lấp đầy vết nứt" là một triết lý sống, một nhân sinh quan thực sự đẹp đẽ, sâu sắc. Đứng lên từ những sai lầm, thất bại là một hình tượng nhân văn, truyền cảm hứng trong cuộc sống.

3. Bài học

Sai lầm, vấp ngã, thất bại là một phần tất yếu của tuổi trẻ. Thái độ ứng xử "lấy vàng để lấp đầy "vết nứt" sẽ phụ thuộc vào bản lĩnh của chính người trẻ chúng ta.

Đề số 10

Câu 1.

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Trong một thế giới với quá nhiều thành công rợn ngợp, bạn phải làm gì để đánh dấu sự thay đổi của mình lên cuộc đời? Chúng ta sinh sau đẻ muộn so với những người thành công, khi mà mọi điều hay ho trên thế gian này đều đã có những người nghĩ ra, làm ra, thậm chí là làm tốt. Thế hệ này có thể chỉ cần ngồi đó mà thụ hưởng: muốn tìm kiếm điều gì đó cứ Google, muốn giao lưu bạn bè trên khắp mọi nơi đã có Facebook, muốn giải trí cứ vào youtube, chụp ảnh muốn chia sẻ với bạn bè có Instagram, dùng máy tính có các công cụ văn phòng của Microsoft, muốn trải nghiệm đồ công nghệ có Apple, Samsung. Từ lớn đến bé, từ trong ra ngoài, những phụ kiện mà ta đang sở hữu đều đã có người làm hết cả rồi. Bữa cơm của mẹ từ bó rau, cọng ngò, trái ớt đã có người cung cấp. Vậy bạn làm gì bây giờ, hỡi các thế hệ tôi hay các thế hệ sau tôi?

(Trích: Điều gì làm nên sự khác biệt của bạn - Đặng Quốc Cường)

a. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

b. Khi nói đến sự thụ hưởng của thế hệ ngày nay, đoạn văn đã đề cập đến những sản phẩm công nghệ nào? Hãy kể tên.

c. Chỉ và nêu ra tác dụng của một biện pháp tu từ trong đoạn văn.

Câu 2.

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về chủ đề: Điều gì làm nên sự khác biệt của bạn?

Câu 3.

Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ dưới đây trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải.

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

(SGK Ngữ văn 9 tập 2)

Đáp án

Câu 1.

a) Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận

b) Kể tên các sản phẩm công nghệ: Google, Facebook, YouTube, Instagram, Microsoft, Apple, Samsung

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong đoạn văn:

- Biện pháp liệt kê kết hợp với biện pháp điệp trong câu văn "Thế hệ này có thể chỉ cần ngồi đó mà thụ hưởng: muốn tìm kiếm điều gì đó cứ Google, muốn giao lưu bạn bè trên khắp mọi nơi đã có Facebook, muốn giải trí cứ vào youtube, chụp ảnh muốn chia sẻ với bạn bè có Instagram, dùng máy tính có các công cụ văn phòng của Microsoft, muốn trải nghiệm đồ công nghệ có Apple, Samsung"

- Tác dụng: Nhấn mạnh sự thuận lợi trong vấn đề thụ hưởng của người trẻ hiện nay

Câu 2.

- Học sinh viết đoạn văn đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận, dung lượng khoảng 200 chữ ,đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Học sinh có thể tham khảo hai hướng trả lời sau:

+ Học sinh nêu một công việc/ một thành quả mà ai đó đã tạo dựng được, sau đó bác bỏ công việc/ một thành quả đó và nêu lên suy nghĩ, quan điểm riêng của bản thân về cách thức/ mục đích thực hiện công việc ấy, thuyết phục người đọc bởi suy nghĩ, quan điểm của riêng mình nhưng không trái với đạo đức và pháp luật.

+ Học sinh nêu lên một quan điểm/ lối sống riêng của bản thân so với quan điểm/ lối sống của nhiều người và thuyết phục người đọc bởi quan điểm/ lối sống riêng ấy nhưng không trái với đạo đức và pháp lut.

Đoạn văn tham khảo

Thế giới có hơn 7 tỷ người, mỗi người sinh ra đều không ai giống ai. Bạn khác biệt và tôi cũng vậy. Tôi khác biệt ở cách tôi nhìn nhận hạnh phúc. Với một số người, họ cho rằng hạnh phúc sẽ là thứ mình đạt được sau khi vươn tới thành công, sau khi có được nhiều tiền ...Còn với tôi, hạnh phúc là thứ chúng ta có thể cảm nhận thấy trên mỗi hành trình, chứ không phải là đích đến; nó là thứ có thể tạo ra được chứ không nhất thiết phải đi kiếm tìm. Tôi cảm nhận thấy hạnh phúc và mỗi buổi sáng khi tôi thức dậy, khi mình có thêm một ngày nữa để sống. Tôi tự tạo ra hạnh phúc cho mình khi tự nấu cho bản thân món mình thích, nghe bài hát làm tôi thấy vui, đọc cuốn sách khiến tôi có thêm động lực. Tôi khác biệt ở cách tôi ước mơ. Tôi không khát vọng trở thành người nổi tiếng, người tiên phong, là hình mẫu lý tưởng cho người khác... Tôi ấp ủ ước mơ có một kênh Podcast lan toả những điều hạnh phúc bình dị đến mọi người, một chuyến đi đến biển quê nước Pháp,... Những giấc mơ nhỏ của tôi có thể sẽ chẳng khiến nhiều người ngưỡng mộ, nhưng tôi không vì thế mà chôn vùi nó, bởi nó mới là thứ làm nên bản sắc độc đáo duy nhất của tôi. Và kể cả khi tôi không mơ những giấc mơ lớn lao làm thay đổi thế giới, tôi vẫn sẽ sống chăm chỉ, tận hiến và tận hưởng hết mình, để mai này khi quỹ thời gian Thượng đế ban tặng cho tôi đi đến hồi kết, tôi được mỉm cười mãn nguyện khi mình đã sinh ra là một bản chính và chết đi với phiên bản tốt hơn của chính mình chứ không phải là bản sao của bất kỳ ai khác.

Câu 3.

Học sinh viết đoạn văn bài văn có bố cục hoàn chỉnh gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết luận; sử dụng các thao tác lập luận giải thích, phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh ,bác bỏ đảm bảo các ý sau:

1. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn thơ (mở đầu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ)

2. Thân bài

Học sinh trình bày cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ:

- hai câu đầu: Với nét bút khoáng đạt, bức tranh mùa xuân thiên nhiên được nhà thơ khắc họa bằng những hình ảnh tự nhiên, giản dị mà gợi cảm

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

+ Xứ Huế vào xuân với 'dòng sông xanh", với "bông hoa tím biếc". Sắc xanh hiền hòa của sông điểm xuyết nét chấm phá của bông hoa tím biếc gợi một sắc xuân tươi tắn, rực rỡ mà vẫn rất mực bình dị, dân dã, mang đậm chất Huế.

+ Động từ "mọc" được đảo lên đầu câu thơ gây ấn tượng đậm nét về vẻ đẹp duyên dáng và sức sống mạnh mẽ của bông hoa mùa xuân. Có thể là bông hoa lục bình, cũng có thể là bông trang, bông súng. Với sắc màu tím biếc mang nét đặc trưng của xứ Huế mộng mơ như đang vươn lên, đang trỗi dậy. Hoa tím biếc mọc trên dòng sông xanh - cái hoài hòa, tự nhiên của màu sắc đem đến vẻ đẹp dịu nhẹ, thanh mát, say người của thiên nhiên ban tặng.

- Hai câu tiếp: Bức tranh mùa xuân xứ Huế không chỉ tươi tắn sắc màu mà còn rộn rã âm thanh:

"Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời "

Tiếng hót của chim chiền chiện mở ra một không gian mùa xuân cao vời vợi và trong lành. Với từ cảm thán "Ơi" và lời hỏi "Hót chi", Thanh Hải đã đưa vào lời thơ giọng điệu ngọt ngào, dịu nhẹ, thân thương của người dân xứ Huế, diễn tả cảm xúc vui say đến ngỡ ngàng trước một mùa xuân tươi đẹp - một mùa xuân giàu chất thơ.

- Hai câu cuối: Trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, cảm xúc của thi nhân được gợi tả bằng những câu thơ giàu chất tạo hình

"Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng"

+ Đây là một hình ảnh đẹp - đẹp trong các diễn tả cảm xúc một cách tự nhiên, giản dị mà giàu sức biểu cảm. Phép tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được thi nhân vận dụng tài hoa, tinh tế trong trí tưởng tượng phong phú.

+ Trong cảm xúc của nhà thơ, âm thanh tiếng chim đồng đội trở thành giọt vui, giọt hạnh phúc ở đời đã được nâng niu, trân trọng, để rồi: "Tôi đưa tay tôi hứng". Lặp lại hai lần đại từ "tôi" trong câu thơ năm chữ trở thành nhịp 3/2 cùng cử chỉ "hứng" để diễn tả chân thực tâm trạng say sưa, ngây ngất của con người trước cảnh đất trời vào xuân.

--> Ta thấy bức tranh mùa xuân xuân thiên nhiên xứ Huế được gợi ra từ những câu thơ như thế - một bức tranh mùa xuân thật thơ mộng, thật quyến rũ lòng người. Quả thực là "thi trung hữu họa", "thi trung hữu nhạc", "thi trung hữu tình".

- Nghệ thuật

+ Đoạn thơ có nhịp điệu trong sáng, thiết tha, gợi cảm, gần gũi với dân ca. Đặc điểm ấy có được là nhờ nhà thơ đã sử dụng các yếu tố như thể thơ, cách ngắt nhịp, cách gieo vần, cách sử dụng biện pháp tu từ rất hiệu quả.

+ Thể thơ 5 chữ gắn liền với các điệu dân ca, nhất là dân ca miền Trung có âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết.

+ Giàu nhạc điệu: Sự biến đổi rất linh hoạt giữa nhịp 3/2 và nhịp 2/3 chứng tỏ khả năng sử dụng thể thơ năm tiếng điêu luyện của Thanh Hải. Những

câu thơ nhịp 2/3 đặc biệt là những cặp câu nhịp 2/3 rất có hiệu quả trong việc tạo ra âm hưởng giục giã, gợi tả cái hối hả, tha thiết, dấn bước của một mùa xuân nho nhỏ trong bản hòa ca mùa xuân của đất nước.

3. Kết bài: Đánh giá chung: Đoạn thơ là tiếng lòng tha thiết của nhà thơ thể hiện tình cảmyêu mến, sự gắn bó với quê hương đất nước, với cuộc sống mến thương .

Đề số 11

Câu 1.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi

(Sang thu - Hữu Thỉnh)

a) Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ trên.

b) Từ "vẫn, đã, còn" thuộc từ loại gì? Nêu tác dụng của từ đó trong khổ thơ?

c) Phân tích nghĩa tường minh và hàm ý trong hai câu kết của bài thơ.

Câu 2.

Từ nội dung đoạn thơ ở câu 1 kết hợp với hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử của con người khi đối mặt với khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Câu 3.

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

(Viếng Lăng Bác - Viễn Phương)

Trình bày cảm nhận của em về hai khổ thơ trên, qua đó hãy nêu suy nghĩ của mình về Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

Đáp án

Câu 1.

a) Ý nghĩa nhan đề "Sang thu": Nhan đề ngắn gọn, giàu ý nghĩa. Cấu trúc đảo động từ "sang" lên trước danh từ "thu" nhấn mạnh sự vận động, chuyển biến của

đất trời cũng như sự vận động trong cảm xúc của con người trong giây phút giao mùa. Nhan đề cũng là một ẩn dụ mang ý nghĩa biểu tượng về sự giao thời: đất trời sang thu, đời sống sang thu: đời người sang thu; thể hiện rõ chủ đề của bài thơ: cảm nhận tinh tế về những chuyển biến của thiên nhiên lúc giao mùa.
b) Các từ "vẫn, đã, còn" là phó từ. Tác dụng: Nêu được đặc điểm chung của các hiện tượng thiên nhiên vào mùa thu. Về tính chất, đó là các hiện tượng thời tiết rất đặc trưng cho mùa hè. Về cấp độ, tất cả đều đã vơi, giảm dần đi.
c) Nghĩa tường minh: Sang thu, nắng vẫn còn nhiều nhưng những cơn mưa rào và tiếng sấm dữ dội của mùa hè đã vơi dần. Hàm ý: con người đã từng trải qua bao nhiêu năm tháng được tôi luyện trong khó khăn gian khổ đã trưởng thành chín chắn và vững vàng hơn trước những thử thách của cuộc đời.

Câu 2.

1. Giải thích: Ứng xử nghĩa là thể hiện thái độ, hành động thích hợp trước những việc có quan hệ giữa mình với người khác.

2. Bàn luận: Thái độ và hành động đúng đắn của con người. Khi đứng trước thử thách cuộc đời, cần bình tĩnh, linh hoạt, nhạy bén tìm ra hướng giải quyết tốt nhất. Khó khăn, gian khổ cũng là điều kiện thử thách và tôi luyện ý chí, là cơ hội để mỗi người khẳng định mình. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành hơn, sống có ý nghĩa hơn.
- Mở rộng: Thái độ và hành động cần phải phê phán: bi quan, chán nản, than vãn, bỏ cuộc khi gặp khó khăn,...

3. Bài học: Phải có ý thức sống và phấn đấu, không được đầu hàng, không được gục ngã mà can đảm đối đầu, khắc phục khó khăn, thử thách trong cuộc đời; cần có tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống.

Câu 3.

1. Mở bài
- Dẫn dắt, giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu vị trí, nội dung của hai khổ thơ cần phân tích.

2. Thân bài
a) Khổ 1: Niềm xúc động thành kính của tác giả khi đứng trước Lăng Bác
- Câu thơ đầu giản dị như một lời thông báo nhưng vẫn chứa đựng biết bao tình cảm thân thương. Tác giả xưng "con", gọi "Bác" vừa thể hiện tình cảm tôn kính, vừa gợi sự gần gũi, ấm áp, thân thương như tình cảm ruột thịt. Cụm từ "ở miền nam" như nhấn mạnh chúng con vừa từ chiến trường xa xôi sau bao mong nhớ, cách chia nay mới có dịp về thăm Người. Nhà thơ đã dùng từ "thăm" thay cho từ "viếng". Cách nói giảm cho thấy tác giả như con về thăm cha, cố nén nỗi đau như cố giấu mà giọng thơ vẫn nghẹn ngào.

- Ấn tượng đầu tiên và đậm nét khi đứng trước cảnh vật bên ngoài lăng là hình ảnh hàng tre. Nhà thơ đến đây từ rất sớm, từ "trong sương" và bắt gặp hình ảnh hàng tre rất đỗi thân thương của quê hương Việt Nam:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

Cây tre hiện lên với những nét tả thực. Hình ảnh hàng tre "bát ngát" chạy dài quanh lăng tạo nên vẻ yên ả, thanh bình của làng quê Việt Nam. Cây tre biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường và phẩm chất tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Dẫu phải trải qua bao gian khó thử thách "bão táp mưa sa", nhân dân ta vẫn hiên ngang, đoàn kết chiến đấu. Hàng tre như những chiến sĩ đang canh giấc cho Bác. Đó cũng là hình ảnh của dân tộc trung thành, đang quây quần bên vị cha già đáng kính. Thán từ "Ôi" thể hiện tình cảm thiết tha, xúc động của nhà thơ.

b) Khổ 2: Cảm nghĩ khi vào lăng viếng Bác.

- Hai câu thơ đầu có sự sóng đôi của một hình ảnh thực và một hình ảnh ẩn dụ

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"

"Mặt trời trong lăng rất đỏ" là ẩn dụ để chỉ Bác Hồ. Chi tiết đặc tả "rất đỏ" gợi trái tim đầy nhiệt huyết vì tổ quốc, vì nhân dân, trái tim yêu thương vô hạn của Bác. Nếu như mặt trời thiên nhiên đem lại ánh sáng, sự sống cho nhân loại thì Bác chính là "mặt trời chân lý", mang lại ánh sáng của độc lập, tự do cho dân tộc, đưa nhân dân từ thân phận nô lệ lên làm chủ đất nước. Cách nói đó vừa ca ngợi sự vĩ đại, bất tử của Bác vừa thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ, tự hào, biết ơn đối với Bác.

- Hòa và dòng người vào viếng lăng Bác, tác giả giở trào dâng niềm xúc động. Điệp từ "ngày ngày" vừa gợi dòng thời gian vô tận vừa thể hiện tình cảm thương nhớ không nguôi của nhân dân dành cho Bác. "Dòng người đi trong thương nhớ" là một cách nói đặc biệt, gợi nên một không gian nghệ thuật, không gian tràn ngập nỗi nhớ thương. Nỗi nhớ thương vốn chỉ có trong lòng người nhưng ở đây nó chùm lên cả không gian và kéo dài trong thời gian vô tận "ngày ngày". Dòng người được ví như một tràng hoa là một ẩn dụ độc đáo. Mỗi người với nỗi nhớ thương là một đoá hoa kết nên tràng hoa dâng "bảy mươi chín mùa xuân" cuộc đời Bác. Đó là tràng hoa được kết lên từ hàng triệu hàng triệu trái tim con người Việt Nam. Tác giả dùng "tràng hoa" chứ không phải "vòng hoa" bởi "vòng hoa" là để viếng người đã khuất, còn "tràng hoa" gắn với những vinh quang, thành quả tốt đẹp mà Bác mang đến cho dân tộc. "Bảy mươi chín mùa xuâ" là hình ảnh hoán dụ chỉ 79 tuổi của Bác - chỉ cuộc đời Bác đẹp như mùa xuân bởi Bác đã đem mùa xuân đến cho dân tộc.

- Suy nghĩ về Bác Hồ vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc: Bác là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, là anh hùng giải phóng dân tộc đã xuất hiện ở bước ngoặt lịch sử của dân tộc, trở thành biểu tượng và niềm tự hào bất diệt của dân tộc. Bác là nguồn cảm hứng dạt dào, bất tận cho thơ ca. nghệ thuật

3. Kết bài

- Khái quát giá trị nội dung nghệ thuật của hai đoạn thơ cần phân tích
- Bày tỏ tình cảm, suy nghĩ về Bác.

Đề số 12

Câu 1.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Bận rộn không phải một đức tính tốt hay một thứ đáng để khâm phục. Dù tất cả chúng ta đều có những lúc phát điên vì lịch trình công việc, chỉ có một số rất ít trong chúng ta có một lý do hợp lý để bận rộn cả ngày. Chúng ta đơn giản là không biết cách sắp xếp, đặt ưu tiên và nói không khi cần.

Gần đây bận rộn hiếm khi tương đương với hiệu quả. Hãy nhìn quanh bạn mà xem, những người bận rộn đông hơn những người hiệu quả rất nhiều. Người bận rộn đang vội vàng ở khắp nơi và chạy đến sau khi mọi thứ đã bắt đầu một nửa thời gian. Họ đang điều hành công việc, những buổi hội thảo, họp hành, tuyển dụng... Họ hiếm khi có đủ thời gian cùng với gia đình và cũng hiếm khi ngủ đủ giấc. Tuy thế, các email vẫn tiếp tục bắn ra từ smart phone mà họ giống như đạn từ súng máy, và kế hoạch hàng ngày của họ bị bóp lại như miệng chén với những nghĩa vụ. Sự bận rộn khiến họ cảm thấy mình thật quan trọng. Nhưng đó hoàn toàn là ảo tưởng. Họ giống những con chuột Hamster chạy trên bánh xe hơn.

Dù rằng bận rộn có thể khiến chúng ta cảm thấy đang sống hơn bất cứ kỳ khoảng cách nào, nhưng cảm giác đó sẽ không kéo dài mãi mãi. Chúng ta sẽ không tránh khỏi một điều rằng, nếu ngày mai hay ngày ta hấp hối trên giường bệnh, liệu ta có ước rằng mình sẽ ít bận rộn đi và sống một cuộc sống có mục đích hay không."

(Mười thực tế cuộc sống bạn cần phải nhớ)

a) Đoạn trích nêu lên vấn đề gì? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

b) Chỉ ra phép liên kết hình thức trong hai câu sau: Người bận rộn đang vội vàng ở khắp nơi và chạy đến sau khi mọi thứ đã bắt đầu một nửa thời gian. Họ đang điều hành công việc, những buổi hội thảo, họp hành, tuyển dụng...

c) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau: *Họ giống những con chuột Hamster chạy trên bánh xe hơn.*

Câu 2.

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1 kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về quan điểm: Sống chậm lại, nghĩ khác đi và yêu thương nhiều hơn

Đáp án

Câu 1.

a) Vấn đề: Tác hại của việc quá bận rộn trong cuộc sống. Phương thức biểu đạt: Nghị luận.

b) Phép liên kết: Phép thế "người bận rộn" = "họ"

c) Biện pháp tu từ so sánh: Họ - những con chuột Hamster chạy trên bánh xe.

Tác dụng: Giúp người đọc hình dung được sự bận rộn, cuộc sống của con người gấp gáp, liên tục; diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn người nghe.

Câu 2.

1. Giải thích: Sống chậm lại là để cảm nhận những điều tốt đẹp trong cuộc sống, để nghĩ về cuộc sống và những người xung quanh nhiều hơn, cho ta khoảng lặng để rút ra kinh nghiệm từ những thất bại và hi vọng cho tương lai,...

Nghĩ khác đi là biết cách nhìn nhận, đánh giá, lựa chọn lối đi riêng, có thể hiểu là những lối suy nghĩ tích cực, vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn để không rơi vào chán nản, tuyệt vọng.

Yêu thương nhiều hơn là biết nghĩ, biết quan tâm, chăm sóc và hướng tới người khác nhiều hơn, biến mình trở thành người nhân hậu, cao cả, lớn lao hơn, biết sống vị tha, bao dung, sẻ chia...

2. Bàn luận:

- Sống chậm không có nghĩa là chậm chạp, lạc hậu mà là sống một cách kỹ lưỡng, không ồn ào, a dua, cuốn theo những mục đích tầm thường.

- Suy nghĩ khác không phải là những suy nghĩ, cách nghĩ lập dị mà là suy nghĩ đem lại lối sống tích cực cho bản thân, đem lại điều tốt đẹp, ý nghĩa cho xã hội.

- Yêu thương nhiều hơn: Cho đi nhiều hơn thì ta lại nhận về nhiều hơn.

Mở rộng: Phê phán lối sống thực dụng, cá nhân, cơ hội, sống gấp, vô cảm của một bộ phận người trẻ hiện nay

3. Bài học: Lựa chọn, điều chỉnh lại cách sống của bản thân để cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn.

Đề số 13

Câu 1.

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

"...Nhưng càng ở trong hoàn cảnh khó khăn và thời điểm tưởng chừng như xám xịt ấy, người ta lại thấy những điều cảm động và ấm áp có thể xảy ra.

Chưa bao giờ ta thấy mình phải có trách nhiệm với đất nước và nhân dân đến như thế. Để trái với sự nghi kỵ, vô cảm và bàng quan của một số người - chất xúc tác tốt nhất cho dịch bệnh lây lan nhanh - chúng ta vẫn còn những con người hy sinh thầm lặng, làm sáng ngời lương tri đẹp đẽ của loài người.

Đó chính là hình ảnh những vị bác sĩ in hằn vết đổ bảo hộ, mồ hôi ướt sũng, kính nhoè đi, cả ngày không dám đi vệ sinh nhưng vẫn kiên trì chống đỡ. Đó là hình ảnh doanh nghiệp hay cô ca sĩ nọ quyên góp một số tiền lớn cho đất nước chống đại dịch. Đó là hình ảnh những thùng mì tôm ,những chai nước suối được trao đi vào khu cách ly. Đó là hình ảnh những em nhỏ đóng góp tất cả tiền mừng tuổi của mình để quyên tặng khẩu trang cho người chưa có. Đó là chuyến bay đi thẳng vào tâm dịch ở Vũ Hán để đón những người chung dòng máu của chúng ta trở về.

Đâu đó trên thế giới và ở Việt Nam này vẫn có sự lương thiện. Để trái ngược với những người con người vô tâm, không ý thức, thì chúng ta vẫn có niềm tin vào lòng tốt giữa người với người. Có thể vẫn còn những con sâu làm rầu cả nồi canh, nhưng chúng ta hãy vững tin, vì chỉ cần trên thế giới còn tồn tại một trái tim nhân ái thì loài người vẫn còn mãi."

(Trích "Tinh thần trách nhiệm và tình người: Chìa khóa chiến thắng đại dịch covid)

a) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

b) Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong các câu sau: *Để trái với sự nghi kỵ, vô cảm và bàng quan của một số người - chất xúc tác tốt nhất cho dịch bệnh lây lan nhanh - chúng ta vẫn còn những con người hy sinh thầm lặng, làm sáng ngời lương tri đẹp đẽ của loài người.*

c) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn 2.

Câu 2.

Từ nội dung đoạn văn ở câu 1 kết hợp với hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của M.Faraday: "Mọi thứ rồi sẽ qua, chỉ còn tình người ở lại"

Đáp án

Câu 1.

a) Nghị luận

b) Thành phần biệt lập phụ chú: chất xúc tác tốt nhất cho dịch bệnh lây lan nhanh

c) Biện pháp tu từ: Điệp ngữ: lặp lại cụm từ "hình ảnh" 3 lần và cụm từ "đó là" 4 lần;

Liệt kê: những vị bác sĩ in hằn vết đổ bảo hộ..., doanh nghiệp hay cô ca sĩ nọ quyên góp ..., những em bé đóng góp tất cả tiền mừng tuổi..., chuyến bay đi thẳng vào tâm dịch vụ Hán...

- Tác dụng: Làm rõ, nhấn mạnh, khẳng định những việc làm, hành động cao đẹp của con người trước tình hình dịch bệnh covid-19. Từ đó cho thấy được tình đoàn kết, đồng sức đồng lòng của nhân dân Việt Nam quyết tâm đẩy lùi dịch bệnh để mang lại cuộc sống bình yên, hạnh phúc.

Câu 2.

1. Giải thích: *Tình người* là tình cảm giữa người với người, biết cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong khó khăn, hoạn nạn. Câu nói khẳng định không có gì là mãi mãi, chỉ có tình người là còn tồn tại cho đến khi ta nhắm mắt xuôi tay.

2. Bàn luận: Trong cuộc sống, nhiều người sẵn sàng dang rộng vòng tay để giúp đỡ mọi người bởi họ dễ xúc động hay hoặc đồng cảm, vì cũng từng trải qua hoàn cảnh khó khăn tương tự. Tình người là tình cảm quý báu tồn tại trong mỗi con người nên không gì ấm áp hơn bằng hơi ấm của một cái bắt tay, một nụ cười, một cái ôm, một lời động viên chân thành. Tình người giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, tạo sức mạnh để con người trở nên đẹp đẽ hơn. Trên thế giới, có rất nhiều người đang âm thầm giúp đỡ mọi người và không mong cầu trả ơn. (Lấy dẫn chứng chứng minh)

Mở rộng: Phê phán những người vô tâm, vô cảm, ích kỷ, những người lười biếng, lợi dụng lòng tốt của người khác.

3. Bài học: Cho đi yêu thương cũng sẽ nhận về yêu thương. Khi chúng ta giúp người khác, chúng ta sẽ mang theo những ký ức đẹp đó đến suốt cuộc đời, những người được ta giúp cũng sẽ vô cùng biết ơn.

Đề số 14

Câu 1.

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu ở dưới;

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

(Sách Ngữ Văn 9, tập 1)

a) Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Ở hai câu thơ cuối, tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại từ "bếp lửa', hình ảnh "ngọn lửa" ở đây có ý nghĩa gì?

c) Hãy chỉ ra tác dụng của dấu chấm lửng được sử dụng ở cuối khổ thơ.

Câu 2.

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1 kết hợp với hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: "Nhà là nơi bão dừng sau cánh cửa"

Câu 3.

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

Đáp án

Câu 1.

a) Bài thơ "Bếp Lửa" tác giả "Bằng Việt'

b) Ý nghĩa hình ảnh n"gọn lửa":

- Nếu bếp lửa là hình ảnh cụ thể thì ngọn lửa đã được nâng lên thành một hình ảnh mang tính biểu tượng có ý nghĩa khái quát rộng lớn, sâu xa; Ngọn Lửa của niềm tin hi vọng, của sức sống bền bỉ, của tình yêu thương, đức hy sinh của bà...
- Ngọn lửa làm lung linh thêm hình ảnh của bà. Bà là người nhóm lửa - giữ lửa - truyền lửa, truyền cho cháu những kỷ niệm ấm lòng, những niềm tin thiêng liêng, kỳ diệu nâng bước cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời .

c) Tác dụng: diễn tả còn nhiều ngọn lửa khác được nhen lên từ bếp lửa của bà, ngọn lửa chứa niềm tin ấy kéo dài mãi mãi.

Câu 2.

1. Giải thích:

- Nhà: Nơi vững chãi, đầy đủ tình thương của các thành viên trong gia đình, là nơi cho điều kiện tốt để sinh sống, phát triển
- Bão: là hiện tượng tự nhiên đầy dữ dội, thiên tai khó tránh, ý nói những khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Ý kiến sử dụng cách nói ẩn dụ để khẳng định vai trò của ngôi nhà - nơi bình yên cho mỗi người trước khó khăn, thử thách của cuộc đời

2. Bàn luận:

- " Nhà là nơi bão dừng sau cánh cửa" vì là nơi mỗi người sinh ra, lớn lên ,trưởng thành. Đó là nơi con người thoải mái chia sẻ, được cổ vũ, khích lệ, an ủi mỗi khi vấp ngã. Đó cũng là nơi sẵn sàng mở rộng vòng tay đón ta trở về sau những xô bồ, gian nan của cuộc đời. (Lấy dẫn chứng cụ thể)
- Mở rộng: phê phán những người không biết trân trọng, đối xử tệ bạc với chính các thành viên trong ngôi nhà, trong gia đình của mình. Tuy nhiên, không có bão tố thì con người khó có thể trưởng thành. Vì vậy, cũng không nên chỉ ở mãi trong vùng an toàn, sống ỷ lại, sống phụ thuộc.

3. Bài học: Ta nên cảm thông, chia sẻ với những người thiếu may mắn khi không có nhà, có gia đình ấm cúng. Ta cũng cần chăm chút, gìn giữ tổ ấm gia đình để luôn có chốn bình yên trong những cơn giông bão của cuộc đời.

Câu 3

1. Mở bài :

- Dẫn dắt, giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm
- Chỉ ra vấn đề của đề bài: diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai.

2. Thân bài:

a) Tâm trạng ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc:

Ông Hai có tình yêu sâu sắc với làng Chợ Dầu - nơi chôn rau cắt rốn của ông. Ông tự hào làng mình giàu đẹp, thường khoe cái "sinh phẩm của viên Tổng đốc người làng". Ông yêu tất cả những gì thuộc về làng ông: "những ngôi nhà ngói san sát, những đường làng lát đá xanh trời mưa gió bùn không dính đến gót chân"...

b) Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc:

- *Ban đầu:* Ông bàng hoàng, sững sờ "Cổ ông nghẹn ắng lại, da mặt tê dân dân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được"...
- *Khi trấn Tĩnh lại được phần nào:* Ông còn chưa tin mà hỏi lại "giọng lạc hẳn đi". lời khẳng định của người đàn bà "Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ" làm ông không còn nói gì được nữa, đứng lảng ra chỗ khác rồi đi thẳng.
- *Trên đường về:* Cái tin dữ ấy xâm chiếm, trở thành nỗi ám ảnh, day dứt trong tâm trí ông. Ông hổ thẹn, nhục nhã, cúi gằm mặt xuống mà đi.
- *Về đến nhà:* Ông "nằm vật ra giường", rồi tủi thân khi nhìn đàn con, nước mắt ông cứ giàn ra: " Chúng nó cũng là trẻ con làng Việc gian đấy ư? chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư?"
- *Tối đến khi bà hai trở về:* Gia đình ông Hai bao trùm không khí căng thẳng

c) Tâm trạng ông Hai những ngày sau đó:

- Ông Hai không dám đi đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà nghe ngóng tình hình bên ngoài. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến "cái chuyện ấy". Nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông hai cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông trước cái tin làng mình theo giặc.
- Khi mụ chủ nhà đuổi khéo nhà ông đi, ông Hai đã bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng. Mâu thuẫn nội tâm diễn ra gay gắt giữa quyết định về làng hay ở lại. Ông dứt khoát lựa chọn theo cách của ông: " Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù", tình yêu nước đã rộng lớn hơn ,bao trùm lên tình cảm với làng quê. Nhưng dù đã xác định như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà càng đau xót, tủi hổ.
- Ông Hai nói chuyện với con trai để giãi bày nỗi lòng của mình. Lời tâm sự với đứa con nhỏ và lời tự nhủ của ông Hai cho thấy tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu và tấm lòng thủy chung với kháng chiến, cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ. Tình cảm ấy trong ông sâu nặng, bền vững, thiêng liêng.
- Khi nghe tin cải chính: Ông Hai lật đật đi khoe với tất cả mọi người tin cải chính. Ngay cả khi nhà bị giặc đốt nhưng ông hề buồn tiếc vì đó là bằng chứng về lòng trung thành với cách mạng và kháng chiến của ông. Đây là tình cảm đặc biệt của ông Hai nhưng cũng là tình cảm chung của những người nông dân thời

kháng chiến chống Pháp. Đối với họ lúc này, trước hết và trên hết là tổ quốc nên họ sẵn sàng hi sinh tất cả tính mạng và tài sản.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề; Hình ảnh ông Hai tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đó là những con người mộc mạc, chất phát, có tình cảm bền chắc, sâu sắc với làng quê, đất nước và cách mạng, kháng chiến.
- Nhân vật ông Hai được đặt vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ nhiều chiều sâu tâm trạng. Những biểu hiện diễn biến tâm lý phức tạp của ông được miêu tả rất cụ thể, tinh tế: bàng hoàng. đau đớn. căng thẳng. tuyệt vọng. sung sướng... Ngôn ngữ nhân vật được thể hiện sinh động, giàu tính khẩu ngữ, mang cá tính riêng.

Đề số 15

Câu 1.

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Người thợ săn con vượn

Ngày xưa, có một người săn bắn rất tài. Nếu con thú rừng nào không may gặp phải bác ta thì hôm đó coi như là ngày tận số của nó. Một hôm, người đi săn sách nỏ vào rừng. Bác thấy một con vượn lông xám đang ngồi ôm con bên tảng đá. Bác nhẹ nhàng rút mũi tên bắn trúng tim vượn mẹ. Vượn mẹ giật mình hết nhìn mũi tên lại nhìn về phía người đi săn bằng đôi mắt căm giận, tay vẫn không rời con. Máu ở vết thương rỉ ra loang khắp ngực. Trong khi đó, người đi săn vẫn đứng im quan sát, ông chờ đợi vượn mẹ ngã xuống chết đi. Bỗng vượn mẹ nhẹ nhàng đặt con xuống, vơ vội nắm bùi nhùi gối lên đầu con, rồi nó hái cái lá to vắt sữa vào và đặt lên miệng con. Sau đó, vượn mẹ nghiến răng, giật phắt mũi tên ra, hét lên một tiếng thật to: á á á... rồi từ từ gục xuống. Người đi săn đứng lặng người chứng kiến cảnh tượng đó. Hai giọt nước mắt từ từ lăn trên má ông. Ông mắm môi bẻ gãy chiếc nỏ và lẳng lặng quay gót ra về. Từ đó về sau, ông không bao giờ đi săn nữa.

(Theo letto-ton)

a) Nội dung chính của văn bản là gì?

b) Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản.

c) Văn bản gửi gắm những thông điệp nào?

Câu 2.

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử của con người với thiên nhiên.

Câu 3.

Phân tích vẻ đẹp vừa giản dị vừa cao cả của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ Văn 9, tập 1)

Đáp án

Câu 1.

a) Nội dung văn bản: Chuyến đi săn và sự thức tỉnh của người thợ săn trước tình mẫu tử của vượn mẹ.

b) Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

c) Thông điệp từ câu chuyện:

- Hành động săn bắn thú rừng hoang dã là tội ác. Môi sinh, môi trường, núi rừng, chim muông, thú rừng... cần phải được bảo vệ.
- Tình mẫu tử cao quý, thiêng liêng có thể cảm hóa con người, đưa con người trở về với tính Thiện.

Câu 2

Học sinh viết đoạn văn đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận dung lượng khoảng 200 chữ; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu

1. Giải thích.

- Ứng xử là một biểu hiện của sự giao tiếp giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng xã hội.
- Tự nhiên là yếu tố thuộc về hoặc có tính chất của tự nhiên, không phải do có con người mới có, không phải do con người tác động hoặc can thiệp vào để hình thành.

Vấn đề cần bàn luận: Thái độ ứng xử của con người đối với tự nhiên.

2. Bàn luận

- Thực trạng ứng xử của con người đối với tự nhiên:

+ Lược sử thái độ ứng xử của con người đối với tự nhiên: Từ kính sợ tự nhiên thuận theo tự nhiên (thời tiền sử) --> Chinh phục tự nhiên --> Bức hại tự nhiên--> Ý thức lại (phản tỉnh) về vai trò của tự nhiên, việc tôn trọng và chung sống với tự nhiên.

+ Thực tại hiện nay: nghiêm trọng như thế nào? phản tỉnh ra sao?

- Nguyên nhân:

+ Khách quan: Yêu cầu sinh tồn, yêu cầu của cuộc sống, của sự phát triển loài người khiến con người phải phụ thuộc vào khai thác tự nhiên.

+ Quan điểm duy nhân loại: Con người là trung tâm, có quyền uy tối thượng trong việc tác động và tự nhiên.

- Giải pháp:

+ Bồi dưỡng đạo đức sinh thái (chủ yếu là sự tự ý thức trong việc tôn trọng và bảo vệ tự nhiên)

+ Luật và chế tài bảo vệ tự nhiên

3. Bài học:

- Cá nhân phải tu dưỡng ý thức sinh thái
- Người trẻ phải thể hiện thái độ tôn trọng thiên nhiên bằng hành động thiết thực.

Câu 3. Viết bài văn với bố cục hoàn chỉnh gồm ba phần: mở bài, thân bài, kết bài sử dụng các thao tác lập luận giải thích,phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh, bác bỏ... đảm bảo các ý sau:

1. Mở bài

- Giới thiệu ngắn ngắn gọn về tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu chung về nhân vật anh thanh niên

2. Thân bài

a) Vẻ đẹp bình dị mà cao cả của nhân vật:

- Anh thanh niên với hoàn cảnh sống và công việc đầy thử thách - chất xúc tác để bộc lộ vẻ đẹp bình dị mà cao đẹp của anh thanh niên.
- Anh thanh niên đã vượt lên nghịch cảnh để luôn có một suy nghĩ đẹp đẽ.
- Anh thanh niên đã vượt lên nghịch cảnh để luôn có những hành động, cử chỉ, việc làm đẹp đẽ .
- Anh thanh niên đã vượt lên nghịch cảnh để luôn có phong cách sống đẹp đẽ.

b) Nghệ thuật thể hiện nhân vật với vẻ đẹp bình dị mà cao cả:

- Nghệ thuật tạo tình huống truyện đặc sắc.
- Điểm nhìn trần thuật độc đáo: khắc họa nhân vật từ điểm nhìn, tâm trạng, suy nghĩ của người họa sĩ già.
- Giọng văn giàu chất thơ

3. Kết bài

Đánh giá chung: Anh thanh niên là biểu tượng cho những con người yêu đời, yêu nghề, yêu người, sống thầm lặng và tận hiến cho đất nước cho sự nghiệp chung.

Đề số 16

Câu 1

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

(SGK Ngữ văn 9, tập 2)

a) Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Nêu cách hiểu của em về nhan đề của bài thơ.

c) Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của 01biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản

Câu 2. Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về lí tưởng sống của tuổi trẻ Việt Nam hiện nay.

Câu 3. Phân tích tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu trong tác phẩm "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng (SGK Ngữ văn lớp 9, tập 1)

Đáp án

Câu 1 .

a) Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm *"Mùa xuân nho nhỏ"* của tác giả Thanh Hải

b) Cách hiểu về nhan đề của bài thơ: "Mùa xuân nho nhỏ" là một cái nhìn bằng hình tượng bao hàm hai lớp nghĩa:

- Nghĩa đen: Mùa xuân nhỏ xinh dịu dàng, trầm lắng nhưng tràn ngập sức sống, đó là bức tranh mùa xuân của đất trời và con người.
- Nghĩa bóng: Ẩn dụ về khát vọng muốn được dâng hiến, cống hiến cho đời một cách lặng lẽ, giản dị nhưng mãnh liệt.

c) Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản:

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Đây là một hình ảnh đẹp - đẹp trong cách diễn tả cảm xúc một cách tự nhiên, giản dị mà giàu sức biểu cảm. "Giọt long lanh rơi" có phải là giọt sương, giọt nắng, giọt mưa hay chính là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện đã ngưng đọng thành hình, thành khối, thành sức sống mùa xuân có sắc màu lóng lánh? Rõ ràng, âm thanh tiếng chim vô hình, vô ảnh vốn được cảm nhận bằng thính giác đã được hữu hình, hữu ảnh thành vật thể được cảm nhận bằng thị giác và xúc giác. Phép tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được thi nhân vận dụng tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng phong phú.

Câu 2.

1. Giải thích:

- Lý tưởng sống là mục đích tốt đẹp của mỗi người muốn hướng tới, là lý do, mục đích mà mỗi người mong mỏi đạt được. Người có lý tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động để hoàn thiện mình hơn, giúp ích cho mình, cho gia đình, xã hội và đất nước.

2. Bàn luận:

- Hiện trạng:

+ Sống có lý tưởng, mục đích, hoài bão

+ Một bộ phận sống hững hờ, "đi ngang qua cuộc đời", vị kỷ, thậm chí vô cảm, sống thừa, sống mòn, sống bị động, quẩn quanh.

- Lý tưởng sống của tuổi trẻ Việt Nam hiện nay là gì?

Cống hiến để bảo vệ và xây dựng một đất nước giàu đẹp.

- Tại sao sống phải có lý tưởng?

+ Lý tưởng sẽ giúp con người hoàn thiện trí tuệ và nhân cách, mang lại hạnh phúc cho mình và giúp ích cho cộng đồng.

+ Lý tưởng sẽ dẫn đường cho chúng ta vượt qua mọi chông gai và can đảm chấp nhận mọi nghịch cảnh.

- Cần làm gì để thực hiện lý tưởng sống?

+ Nỗ lực học tập để nắm lấy tri thức vì trí thức là sức mạnh.

+ Rèn luyện nhân cách, kỹ năng, ý chí... để thực hiện lý tưởng trong giai đoạn hội nhập, hiện đại hóa.

3. Bài học:

- Hành động thiết thực để thực hiện hóa lý tưởng

- Lép Tôn-xtooi chỉ rõ : "Lý tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lý tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống"

Câu 3:

Học sinh viết bài văn với bố cục hoàn chỉnh gồm ba phần: mở bài, thân bài, kết luận. Sử dụng các thao tác lập luận (giải thích, phân tích, bình luận, chứng minh so sánh, bác bỏ,...) đảm bảo các ý sau:

1. Mở bài

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu hai nhân vật trung tâm của tác phẩm: Ông Sáu và bé Thu

2. Thân bài

a) Vẻ đẹp của tình cha con

** Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu*

- Khi chưa nhận ra cha mình: khi gặp ông Sáu với vết thẹo dài trên mặt, bé Thu đã có thái độ xa lánh, hành động cự tuyệt và những lời nói cử chỉ khiến ông Sáu phải đau lòng. Tất cả những hành động ấy đã thể hiện được cá tính mạnh mẽ và tình yêu thương rạch ròi của cô bé.

- Khi nhận ra người cha thân yêu: Trong buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu phải lên đường, thái độ, hành động của bé Thu đột ngột thay đổi: Nó bỗng kêu thét lên “ba” - tiếng kêu như xé tan sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người. Cô bé chạy xô tới, dang hai tay ôm lấy cổ ba, hôn ba cùng khắp, dang cả hai chân để câu chặt lấy ba, đôi vai nhỏ bé run run --> Tình yêu thương ba được bộc lộ một cách mãnh liệt, dâng trào, không thể kìm nén nổi. Tình cảm ấy giờ đây mới có dịp vỡ òa ra nên vô cùng mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt.

** Tình cảm của ông Sáu dành cho con*

- Trong lần về thăm nhà: Khi bị con từ chối, ông cảm thấy vô cùng hụt hẫn,g đau khổ, cáu giận, không thể kìm chế nổi. Ông đã đánh con vì nó không chịu nhận mình. Đây là biểu hiện đau khổ tột cùng của người cha khi bị con khước từ

- Ttình cảm thể hiện rõ nhất khi ông Sáu ở chiến khu:
+ Về đơn vị ông day dứt, hối hận vì trong lúc nóng giận để đánh con. Chi tiết này thể hiện tình yêu con tha thiết.
+ Khi kiếm được khúc ngà voi, ông vô cùng vui mừng, sung sướng, dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược. Chiếc lược đã trở thành báu vật thiêng liêng đối với ông Sáu. Nó làm dịu đi những ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến của ông đối với đứa con xa cách nơi quê nhà.
- Trước lúc hi sinh, lời trăn trối cuối cùng ông muốn nhờ bạn trao tận tay chiếc lược ngà cho con.
b) Nghệ thuật khắc họa
- Ngôi kể khách quan, đáng tin cậy, người kể chuyện là nhân vật bác Ba (bạn ông Sáu.)
- Mạch kể tự nhiên, lôi cuốn
- Tình huống chuyện sâu sắc.
- Nghệ thuật khắc họa tâm trạng đặc sắc.

3. Kết bài

Đánh giá chung: Truyện ngắn *"Chiếc lược Ngà"* đã khẳng định, ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng trở nên cao đẹp, thiêng liêng hơn trong những cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh.

Đề số 17

Câu 1

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Chúng ta không cần sở hữu thật nhiều mới có thể thấy biết ơn. Tôi từng đến các quốc gia đang phát triển trên các thế giới và thấy người nghèo sinh sống ra sao. Xét theo tiêu chuẩn Mỹ, nhiều người trong số họ gần như nghèo đến mức không tưởng. Nhưng tôi vẫn gặp những con người cảm thấy biết ơn và mãn nguyện tại những khu vực nghèo khổ nhất mà tôi từng đặt chân tới... Tất cả chúng ta đều có thể biết ơn. Dù hoàn cảnh có ra sao, ta vẫn có thể lựa chọn làm vậy mỗi ngày. (...) Chúng ta cần tập biết ơn khi cuộc sống bằng phẳng, và nỗ lực tập biết ơn hơn một nữa khi cuộc sống gập ghềnh. Càng nỗ lực rèn luyện thói quen biết ơn thì chúng ta sẽ dễ vận dụng nó khi cần thiết.

(Theo sống đơn giản)

a) Chỉ ra cặp từ trái nghĩa trong văn bản. Đặt câu với một trong hai từ đó.
b) Theo đoạn trích, chúng ta cần tập biết ơn trong những hoàn cảnh nào ?
c) Em hiểu thế nào về quan điểm của tác giả: "*Chúng ta không cần sở hữu thật nhiều mới có thể thấy biết ơn"*

Câu 2. Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về những điều cần phải làm để nuôi dưỡng lòng biết ơn trong cuộc sống.

Đáp án

Câu 1

a) Cặp từ trái nghĩa: "bằng phẳng","gập ghềnh"

Đặt câu: Con đường đang bằng phẳng tự nhiên có những chỗ mấp mô, gập ghềnh toàn đá.

b) Chúng ta cần tập biết ơn: *khi cuộc sống êm đẹp, và nỗ lực tập biết ơn hơn nữa khi sóng gió nổi lên.*

c) Hiểu quan điểm của tác giả: *"Chúng ta không cần sở hữu thật nhiều mới có thể thấy biết ơn"*

- Mỗi ngày chúng ta đều nhận được những điều tốt đẹp, dù ít hay nhiều thì đều đáng trân quý. Hơn nữa, không biết đến khi nào chúng ta mới sở hữu *nhiều đủ*. Chúng ta nên cảm thấy biết ơn, trân trọng từ những điều nhỏ bé nhất.
- Dù sở hữu ít, khi thấy biết ơn sẽ giúp chúng ta lạc quan, khỏe mạnh cả vì thể chất lẫn tinh thần, mở rộng tâm trí, chữa lành vết thương, dễ dàng đối mặt với mọi chuyện xảy ra trong cuộc sống.

Câu 2. Học sinh viết đoạn văn đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận dung lượng (khoảng 200 chữ) đảm bảo quy cách chính tả, dùng từ, đặt câu

Có thể triển khai theo hướng: Muốn nuôi dưỡng những điều tốt đẹp thì cần phải sống đẹp. Có thể nuôi dưỡng lòng biết ơn bằng những suy nghĩ, hành động đẹp, việc làm đẹp

- Biết ơn trong từng khoảnh khắc, biết suy nghĩ về giá trị của những điều nhỏ bé, bình dị.
- Dành thời gian và tìm cơ hội để thể hiện lòng biết ơn cho những người mình yêu quý, viết nhật ký về lòng biết ơn...
- Nhìn nhận sự tử tế sau những điều chúng ta nhận được, không né tránh những điều tiêu cực, nhìn thấy điều tích cực trong những tiêu cực để luôn thấy biết ơn cuộc đời.
- Nuôi dưỡng lòng biết ơn bằng lời hay ý đẹp và bằng những trải nghiệm thực tế

Đểsố 18

Câu1.

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám, úa tàn

Nhà mình sát đường họ đến
Có cho thì có là bao

Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào

Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán

Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cả đời ra sao
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này.

(Dặn con - Trần Nhuận Minh)

a) Bài thơ thuộc thể thơ nào?

b) Chỉ ra từ ngữ được dùng trong theo nghĩa chuyển trong khổ thơ thứ nhất và giải thích ngắn gọn ý nghĩa của từ ngữ đó gắn với ngữ cảnh trong bài thơ.

c) Tại sao tác giả lại dặn: *"Con không bao giờ được hỏi / Quê hương họ ở nơi nào"*?

Câu 2.

Từ một nội dung đoạn trích ở câu 1, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về thông điệp của hai câu thơ:

Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này

Câu 3. Phân tích nhân vật Phương Định trong tác phẩm ***Những ngôi sao xa xôi*** của Lê Minh Khuê để làm rõ vẻ đẹp của con người Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đáp án

Câu 1

a) Bài thơ thuộc thể thơ: Sáu chữ

b) *Úa tàn*: chỉ sự rách rưới, nghèo khổ, mệt mỏi, kiệt quệ cả về thể chất lẫn tinh thần do những cơ hàn, trần ai của cuộc sống mang lại.

c) Tác giả dặn *"Con không bao giờ được hỏi / Quê hương họ ở nơi nào"* vì:

Thân phận người hành khất chất chứa rất nhiều nỗi khổ tâm. Trong đó ,nỗi đau xa lìa quê hương, gia đình, xa lìa nơi chôn rau cắt rốn để tha phương cầu thực là điều xót xa, đau đớn, buồn tủi nhất. Hỏi quê quán là chạm vào nỗi đau của họ, khiến họ thêm tủi hổ. --> Tác giả dạy con đối ứng xử tinh tế, vị tha và hết sức nhân văn.

Câu 2.Học sinh viết đoạn văn đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận dung lượng (khoảng 200 chữ) đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

1. Giải thích: Lòng tốt là gì?
- Lòng tốt là những suy nghĩ, hành động, việc làm xuất phát từ tấm lòng nhằm giúp đỡ người khác.
- Lòng tốt là phần thiện lương tốt đẹp, hiển hiện trong nhân cách con người, được bộc lộ qua cách cư xử, nâng đỡ và gắn kết với nhau trong cuộc sống
2. Bàn luận:
- *Lòng tốt gửi vào thiên hạ*: sự giúp đỡ, sẻ chia của mọi người trên cơ sở sự đồng cảm, lòng nhân ái vô tư, tự nguyện.
- *Biết đâu nuôi bố sau này*: Cái giá ngọt ngào, của sự sẻ chia không tính toán.
- Hai câu thơ mang đến bài học về sự cho và nhận *(Trao gửi yêu thương sẽ nhận lại yêu thương)*. Cho đi và nhận lại là những nghĩa cử sẽ thắp lên tình người, xua tan đi sự vô cảm, lạnh lẽo. Giọt hạt mầm lòng tốt để nhân rộng sự tử tế cho cuộc đời.
- Hai câu thơ là triết lý sống, là quy luật của đời mang tính chất triết học sâu sắc. (lẽ nhân quả ở đời), là bài học nhân sinh thấm thía về quy luật nhân quả ở đời. Triết lý sống này đã được lưu truyền trong di sản văn hóa của cha ông và thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của nó (Ở hiền gặp lành)
- Lòng tốt là thước đo giá trị sống của con người, là "hàn thử biểu" cho sự phát triển của xã hội, là cội nguồn sức mạnh của một dân tộc.
- Phê phán thói vị kỷ, vô cảm
3. Bài học: Hãy nhân rộng lòng tốt vì một xã hội tử tế.
Câu 3
1. Mở bài
- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm
- Gới thiệu chung về nhân vật Phương Định - một trong ba nhân vật trung tâm của tác phẩm, xuất hiện ở vai trò người kể chuyện.
2. Thân bài.
- Phân tích nhân vật Phương Định:
+ Là con gái Hà Nội vào chiến trường, tính tình hồn nhiên,ngây thơ, luôn nhớ về những kỉ niệm giữa chiến trường bom đạn, những kỷ niệm như đôi cánh nâng đỡ cô vượt qua mọi thử thách, --> giáp mặt với bom đạn và cái chết nhưng Phương Định vẫn giữ được nét hồn nhiên (hay hát, thích hát, chú ý đến vẻ bề ngoài của bản thân,..)
- Luôn yêu quý đồng đội
- Can đảm, sẵn sàng đối mặt với cái chết (tập trung phân tích đoạn văn miêu tả cảnh phá bom với những nét tâm lý được khắc họa chi tiết và sinh động)
- Nghệ thuật khắc họa nhân vật:
+ Truyện được kể bằng ngôi thứ nhất, người kể chuyện là Phương Định -> điểm nhìn người trong cuộc.

+ Nghệ thuật khắc họa tâm lý đặc sắc
+ Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, sinh động.

3. Kết bài

- Đánh giá chung: Nhân vật Phương Định đã góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của con người Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ với những đặc điểm:
+ Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, lạc quan cách mạng
+ Tinh thần dũng cảm, luôn sẵn sàng đối mặt với nguy hiểm gian khổ và cả cái chết để hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả.
--> Những cô gái như Phương Định là đại diện cho vẻ đẹp con người Việt Nam anh hùng trong những năm tháng:

Sẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai